HÀ MINH HỒNG (Chủ biên)
TRẦN THỊ MAI – TRẦN NAM TIẾN – TRẦN THỊ THANH VÂN

Chân trời sáng tạo

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP
LỊCH SỬ
11

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BẢN MẪU

HỘI ĐỒNG QUỐC GIA
THẨM ĐỊNH SÁCH GIÁO KHOA

Môn: Lịch sử – Lớp 11

Họ và tên	Chức vụ Hội đồng
Ông ĐỖ HỒNG THÁI	Chủ tịch
Bà MAI PHƯƠNG NGỌC	Phó Chủ tịch
Ông NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	Uỷ viên, Thư kí
Ông PHẠM XUÂN VŨ	Uỷ viên
Ông TRƯƠNG TRUNG PHƯƠNG	Uỷ viên
Ông NGUYỄN TRUNG HẬU	Uỷ viên
Bà NGUYỄN THỊ DUNG	Uỷ viên
Ông TRẦN HỮU HOÀ	Uỷ viên
Bà LƯƠNG THỊ HẰNG	Uỷ viên

HÀ MINH HỒNG (Chủ biên)
TRẦN THỊ MAI – TRẦN NAM TIẾN – TRẦN THỊ THANH VÂN

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP
LỊCH SỬ
11

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Lời nói đầu

Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 xác định Chuyên đề học tập nhằm *"góp phần định hướng cho học sinh lựa chọn nghề nghiệp"*. Chuyên đề học tập lớp 11 gồm hai loại chuyên đề hoạt động trải nghiệm thực tế và chuyên đề nâng cao kiến thức. Nội dung các chuyên đề hướng đến mục tiêu củng cố nền tảng và nâng cao những hiểu biết về giá trị lịch sử, văn hoá và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, góp phần giúp các em định hướng nghề nghiệp cụ thể và thiết thực hơn.

Sách **Chuyên đề học tập Lịch sử 11** *(bộ sách Chân trời sáng tạo)* gồm 3 chuyên đề: Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam; Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX; Danh nhân trong lịch sử Việt Nam. Mỗi chuyên đề thống nhất kết hợp trải nghiệm thực tế và nâng cao kiến thức qua các tuyến chính (Hình thành kiến thức mới) và tuyến phụ (Em có biết, tư liệu). Cấu trúc mỗi chuyên đề gồm 4 phần: Dẫn nhập, Hình thành kiến thức mới, Lắng nghe lịch sử và Luyện tập, Vận dụng. Sách sẽ giúp các em hiểu biết và nhận thức từng lĩnh vực chuyên sâu và độc lập, gắn với việc rèn luyện phẩm chất và năng lực môn học lịch sử.

Hi vọng sách **Chuyên đề học tập Lịch sử 11** *(bộ sách Chân trời sáng tạo)* sẽ đồng hành cùng các em học sinh yêu thích môn Lịch sử và lựa chọn chuyên sâu về Sử học, với mong muốn mỗi chuyên đề sẽ tiếp thêm niềm tin và ngọn lửa để nuôi dưỡng niềm đam mê, mở ra chân trời sáng tạo mới trong học tập dưới mái trường phổ thông.

Chúc các em học tập tốt!

CÁC TÁC GIẢ

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Yêu cầu cần đạt

Là những yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực sau khi học sinh học xong mỗi chuyên đề.

Dẫn nhập

Khơi dậy hứng thú học tập cho học sinh; xác định được các nhiệm vụ học tập của chuyên đề.

Hình thành kiến thức mới

Nội dung chuyên đề với hệ thống kênh hình, kênh chữ và các câu hỏi tổ chức hoạt động học tập phong phú sẽ giúp học sinh tích cực, chủ động khám phá, lĩnh hội kiến thức.

Tư liệu hình

Tư liệu hình được sắp xếp theo chuyên đề (ví dụ tư liệu ở chuyên đề 1 được đánh số 1.1, 1.2, 1.3,...) là cơ sở để tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh.

Lắng nghe lịch sử

Nội dung có liên quan đến bài học, cần suy ngẫm, chiêm nghiệm.

Tuyến phụ

Những thông tin, tư liệu hỗ trợ, bổ sung, mở rộng nội dung chính của chuyên đề.

Em có biết

Sách Đại Việt sử ký toàn thư chép về ông rằng: "Tiếng vang đến giặc phương Bắc, chúng thường gọi ông là An Nam Hưng Đạo Vương mà không dám gọi tên".

(Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd 1998, trang 81)

Luyện tập

Những bài tập nhằm khái quát, hệ thống hoá, củng cố kiến thức đã học.

Vận dụng

Kết nối kiến thức lịch sử với đời sống, học sinh thể hiện năng lực tư duy độc lập, sáng tạo trong nhận định, đánh giá, giải quyết những vấn đề thực tiễn liên quan.

Nét cơ bản của nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Lý là gì?

Bảng phiên âm

Tra cứu từ phiên âm trong sách với nguyên bản.

Phiên âm	Nguyên gốc	Trang
A		
An-bớt	Albert	23
An-giê-ri	Algeria	32

Câu hỏi

Câu hỏi giao nhiệm vụ học tập trong từng nội dung của chuyên đề.

Bảng thuật ngữ

Giải thích một số thuật ngữ mới.

S	
Sơn son thếp vàng: kĩ thuật sơn (chất liệu chế từ cây sơn ta) và trang trí (dán lớp vàng lá, vàng quỷ được dát thật mỏng lên bề mặt các vật dụng bằng gỗ, đá, đồng,... đã sơn) để tạo màu vàng tự nhiên, có ánh kim.	13
Sơn mài: một chất liệu hội hoạ. Là sự tìm tòi và phát triển kĩ thuật của nghề sơn thủ công truyền thống (nghề sơn ta) kết hợp thêm kĩ thuật mài.	15

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

CHUYÊN ĐỀ 1

LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

Học xong chuyên đề này, em sẽ:

– Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lý, thời Trần và thời Lê sơ về kiến trúc, điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,…

– Liệt kê được những thành tựu nghệ thuật chính thời Mạc và nêu được những điểm chính của nghệ thuật kiến trúc thời Mạc.

– Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lê trung hưng về kiến trúc, điêu khắc, mĩ thuật thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... và phân tích được những điểm mới về nghệ thuật thời Lê trung hưng.

– Mô tả được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Nguyễn về kiến trúc, điêu khắc, mĩ thuật, âm nhạc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... và nêu được những điểm mới của nghệ thuật thời Nguyễn.

Nghệ thuật truyền thống Việt Nam là tập hợp những thành tựu văn hoá do các thế hệ người Việt Nam sáng tạo nên, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Nghệ thuật truyền thống Việt Nam bao gồm những lĩnh vực nào? Những di sản nào còn lưu lại đến ngày nay? Chuyên đề ***Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam*** *sẽ giúp em giải đáp các câu hỏi đó qua việc tìm hiểu, trải nghiệm một bộ phận quan trọng của di sản nghệ thuật truyền thống Việt Nam ở các thời kì Lý – Trần, Lê sơ, Mạc, Lê trung hưng và Nguyễn.*

1. Nghệ thuật thời Lý

a) Kiến trúc

▲Hình 1.1. Mặt bằng và kiến trúc cung điện thời Lý (phỏng dựng, Viện Nghiên cứu Kinh thành)

Kiến trúc thời Lý mang các đặc điểm nổi bật như: phong phú về loại hình, quy hoạch thống nhất, cân xứng và trang trí rất tinh xảo, hài hoà giữa các chất liệu gỗ, đá, gạch và đất nung.

Nét chủ đạo của kiến trúc thời Lý là tinh thần độc lập, tự tôn dân tộc với mong muốn sánh ngang hàng với các triều đại Trung Hoa. Tiêu biểu cho tư tưởng đó là kiến trúc của kinh thành Thăng Long.

Em có biết

Thăng Long thời Lý "…xây dựng các cung điện trong kinh thành Thăng Long, phía trước dựng điện Càn Nguyên làm chỗ coi chầu, bên tả làm điện Tập Hiền, bên hữu dựng điện Giảng Võ,... hướng chính nam dựng điện Cao Minh, đều có thềm rồng, trong thềm rồng có hành lang dẫn ra xung quanh bốn phía…".

(Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, trang 241)

Thời Lý, đạo Phật là quốc giáo. Nhiều quần thể chùa – tháp lớn được xây dựng. Những kiến trúc tiêu biểu như chùa Phật Tích, chùa Dạm (Bắc Ninh), chùa Báo Thiên (Hà Nội),… thường có nhiều tầng, nền giật cấp, cao dần lên đỉnh, tạo nét uy nghiêm. Chùa Một Cột (Hà Nội) là kiến trúc độc đáo, được dựng trên cột đá cao, vươn lên giữa hồ Linh Chiểu như hình bông sen xoè cánh.

Em có biết

Truyền thuyết kể lại rằng: Vào năm 1049, vua Lý Thái Tông đã mơ thấy được Phật Bà Quan Âm ngồi trên toà sen, đưa tay dắt vua lên toà. Khi tỉnh dậy, nhà vua lấy làm lạ, bèn kể lại cho quần thần. Nhà sư Thiền Tuệ đã khuyên vua dựng chùa, làm toà sen của Phật Bà Quan Âm đặt trên cột đá như đã thấy trong giấc mơ. Chùa xây xong, nhà vua cùng chư tăng thường đến tụng kinh, cầu cho quốc thái, dân an và đặt tên Diên Hựu cho ngôi chùa với ý nghĩa "phúc lành dài lâu".

▲Hình 1.2. Chùa Một Cột (phỏng dựng, Hà Nội)

b) Điêu khắc

Điêu khắc thời Lý độc đáo, chủ yếu trên chất liệu đá, gốm và gỗ. Thiên nhiên (mây, nước, hoa sen, hoa cúc,...) là nguồn cảm hứng trong sáng tạo nghệ thuật điêu khắc thời kì này. Đặc biệt, hình tượng con rồng uốn lượn mềm mại, sống động, tượng trưng cho nguồn nước, thể hiện niềm mơ ước của cư dân trồng lúa.

Em có biết

Rồng thời Lý thường được thể hiện theo lối nhìn nghiêng. Thân dài, đầu ngẩng cao, miệng há rộng hứng viên ngọc. Đầu rồng có bờm, mào và chòm râu dưới hàm, các chi tiết này đều uốn lượn như sóng nước.

Ở chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh (Thanh Hoá), rồng còn được tạc thành đàn nối đuôi nhau.

▲Hình 1.3. Điêu khắc rồng thời Lý (chùa Phật Tích, Bắc Ninh)

Nghệ thuật thời Lý phát triển đa dạng, độc đáo và có sự tiếp thu chọn lọc những yếu tố văn hoá từ Trung Quốc, Ấn Độ, Chăm-pa. Nghệ thuật thời kì này phản ánh đời sống vật chất và tinh thần phong phú của cư dân Đại Việt.

▲Hình 1.4. Đầu ngói trang trí hoa sen (Hoàng thành Thăng Long, Hà Nội)

▲Hình 1.5. Tượng tiên nữ đầu người mình chim (chùa Phật Tích, Bắc Ninh)

Em có biết

Tượng chim uyên ương thuộc loại tượng tròn, còn gọi là tượng vịt, được trang trí phổ biến trên nóc mái cung điện, chùa, tháp,... Uyên ương gắn gũi với chim thần Ham-sa có nguồn gốc từ Ấn Độ liên quan đến Phật giáo. Uyên ương còn là vật biểu tượng cho tình yêu, lòng chung thuỷ và cuộc sống thanh bình.

Hình 1.6. Tượng chim uyên ương gắn trên mái ngói (Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Hà Nội)▶

Nét cơ bản của nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Lý là gì?

2. Nghệ thuật thời Trần

a) Kiến trúc

Kế tục nhà Lý, nhà Trần tu bổ, mở rộng kinh thành Thăng Long. Năm 1243, vua Trần Thái Tông cho đắp lại vòng thành trong cùng, gọi là thành Phượng hay Long Phượng thành. Cùng với Thăng Long, nhà Trần xây dựng thêm cung điện Thiên Trường (Tức Mặc – Nam Định), xây dựng các khu lăng mộ nổi tiếng như lăng Trần Thủ Độ (Thái Bình), khu lăng mộ An Sinh (Quảng Ninh).

▲Hình 1.7. Tượng đầu chim phượng (Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Hà Nội)

▲Hình 1.8. Nền kiến trúc cung điện thời Trần (Hố khai quật B16, Hoàng thành Thăng Long, Hà Nội)

Kiến trúc Phật giáo thời Trần có sự phát triển nở rộ. Nhiều chùa, tháp được xây dựng như chùa Yên Tử (Quảng Ninh), chùa Bối Khê (Hà Nội), chùa Phổ Minh (Nam Định), tháp Bình Sơn (Vĩnh Phúc),... vừa kế thừa phong cách dung dị, khoáng đạt của kiến trúc dân tộc, vừa tiếp thu những yếu tố văn hoá Trung Hoa, Ấn Độ, Chăm-pa.

Hình 1.9. Tháp Phổ Minh (Nam Định)

Em có biết

Chùa Quỳnh Lâm (Quảng Ninh) là nơi các bậc Tổ sư phái Trúc Lâm Yên Tử như Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang từng đến tu hành và giảng kinh. Nơi đây có pho tượng Phật Di Lặc được nhà sư Minh Không (thời Lý) cho đặt, là một trong "An Nam tứ đại khí" của Đại Việt thời Lý – Trần. Dưới thời Trần, chùa được ví là "Đệ nhất danh lam cổ tích của nước Nam".

Hình 1.10. Chùa Quỳnh Lâm (Quảng Ninh)

b) Điêu khắc

Điêu khắc thời Trần luôn gắn với các công trình kiến trúc. Nếu điêu khắc thời Lý mang phong cách dung dị, mềm mại, uyển chuyển, thì nét đặc trưng của điêu khắc thời Trần là sự giao lưu văn hoá rộng rãi, tinh thần thượng võ được phát huy mạnh mẽ. Tiêu biểu cho nghệ thuật điêu khắc thời Trần phải kể đến hình tượng con rồng trong các kiến trúc cung điện; tượng Phật ở các chùa; tượng quan hầu, tượng các linh thú ở các khu lăng mộ;...

Hình 1.11. Tượng hổ tại lăng Trần Thủ Độ (Thái Bình)

Hình 1.12. Tượng Đệ nhất Tổ Trần Nhân Tông trong tháp Tổ (Yên Tử, Quảng Ninh)

Hình 1.13. Tượng quan hầu tại lăng Trần Hiến Tông (Đông Triều, Quảng Ninh)

Em có biết

Rồng thời Trần có phần đầu uy nghi, đường bệ cùng chiếc mào lửa. Thân rồng tròn, mập mạp, nhỏ dần về phía đuôi, uốn khúc nhẹ, lưng võng hình yên ngựa. Trên mình rồng phủ lớp vảy hình răng cưa sắc nhọn, chân rồng ngắn. Đặc biệt, có sự xuất hiện cặp sừng và hai chi trước đầy dũng mãnh.

Hình 1.14. Hình tượng rồng thời Trần (Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Hà Nội) ▶

Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Lý – Trần phản ánh sâu sắc tinh thần dân tộc, ý thức tìm về cội nguồn, thấm đượm tinh thần Phật giáo. Tính quy mô của kiến trúc, điêu khắc thời Lý được bổ sung thêm tính thực dụng, khoẻ khoắn ở thời Trần tạo nên phong cách đa dạng, độc đáo, linh hoạt của nghệ thuật thời Lý – Trần. Chính đặc điểm này đã làm nên tính cách văn hoá riêng của dân tộc: văn hoá Thăng Long – văn hoá Đại Việt.

Sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... để giới thiệu về nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Trần.

3. Nghệ thuật thời Lê sơ

a) Kiến trúc

Sau thắng lợi của cuộc khởi nghĩa chống Minh, công cuộc kiến thiết đất nước được nhà Lê gấp rút triển khai. Tại kinh thành Đông Đô (thời Lý – Trần là kinh thành Thăng Long), từ năm 1428, vua Lê Thái Tổ đã cho xây dựng nhiều cung điện (điện Kính Thiên, điện Cần Chánh, điện Vạn Thọ). Các công trình như Quốc Tử Giám, nhà Thái Học, văn bia Tiến sĩ được mở rộng và xây mới.

▲Hình 1.15. Mảnh mô hình tháp men xanh thời Lê sơ (khai quật tại khu vực điện Kính Thiên, Hà Nội, năm 2021)

▲Hình 1.16. Cặp rồng đá ở bậc thềm điện Kính Thiên (Hà Nội)

Em có biết

Điện Kính Thiên được xây dựng từ năm 1428 đời vua Lê Thái Tổ và hoàn thiện vào đời vua Lê Thánh Tông. Điện xây dựng trên núi Nùng, trên nền cũ của cung Càn Nguyên – Thiên An thời Lý – Trần. Điện Kính Thiên là nơi cử hành các nghi lễ trọng thể nhất của triều đình, thiết triều bàn những việc quốc gia đại sự và đón tiếp sứ giả nước ngoài.

▲Hình 1.17. Phối cảnh minh hoạ 3D điện Kính Thiên (Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long – Hà Nội)

Kiến trúc ở Lam Kinh được xây dựng trang nghiêm, hài hoà, gắn bó mật thiết với thiên nhiên. Những nghệ nhân đã lựa chọn những vật liệu bền, đẹp nhất để sáng tạo nên những công trình hội tụ tinh hoa kĩ thuật, nghệ thuật thời bấy giờ.

Hình 1.18. Toà chính điện trong Khu di tích Lam Kinh (Thọ Xuân, Thanh Hoá) ▶

▲Hình 1.19. Mái cong của các toà Thái Miếu trong Khu di tích Lam Kinh (Thọ Xuân, Thanh Hoá)

Điểm độc đáo của kiến trúc cung điện thời Lê sơ là sự kết hợp hài hoà giữa phong cách kiến trúc truyền thống đã định hình thời Lý – Trần với phong cách kiến trúc uy nghi, bề thế ảnh hưởng từ tinh thần Nho giáo. Tuy nhiên, hầu hết các công trình kiến trúc đều có quy mô vừa phải, toát lên tính cần kiệm, thực dụng.

Kiến trúc tôn giáo, nhất là Phật giáo thời Lê sơ vẫn được quan tâm nhưng chủ yếu dừng lại ở việc tu sửa lại những công trình đã xây dựng từ thời Lý – Trần.

Vận dụng những kiến thức trong phần kiến trúc thời Lê sơ và sưu tầm thêm tư liệu hình ảnh để giới thiệu những điểm độc đáo của kiến trúc cung đình thời kì này.

b) Điêu khắc

Những tác phẩm điêu khắc của thời Lê sơ vẫn gắn bó mật thiết với kiến trúc. Đó là những hình chạm khắc trên các thành bậc cửa điện Kính Thiên, đàn Nam Giao, trên các bia ở lăng mộ và bia Tiến sĩ ở Văn Miếu, những tượng quan hầu, tượng thú ở các lăng mộ, hoa văn chạm khắc trên đá, gỗ, gốm,...

Em có biết

Bia Vĩnh Lăng (Lam Sơn Vĩnh Lăng bi) rộng 1,94 m, cao 2,79 m, dày 0,27 m, nặng khoảng 18 tấn, được các nghệ nhân ở thế kỉ XV chế tác hoàn toàn bằng phương pháp thủ công. Bia Vĩnh Lăng là sự kết hợp độc đáo tinh hoa điêu khắc Lý – Trần và nghệ thuật dân gian truyền thống. Đồng thời, đây cũng là một tài liệu quý khi nghiên cứu về lịch sử và nghệ thuật điêu khắc thời Lê sơ. Mặt trước bia khắc khoảng 750 chữ Hán, do Nguyễn Trãi soạn, thuật lại thân thế, sự nghiệp của vua Lê Thái Tổ và cuộc kháng chiến chống quân Minh hào hùng của dân tộc.

Hình 1.20. Bia Vĩnh Lăng (Lam Kinh, Thanh Hoá)

Hình 1.21. Tượng voi chầu ở lăng vua Lê Thái Tổ (Lam Kinh, Thanh Hoá)

Hình 1.22. Ngói rồng men vàng và men xanh thời Lê sơ (trưng bày tại Khu di tích Hoàng thành Thăng Long)

Dưới thời Lê sơ, rồng vẫn là hình tượng tượng trưng cho uy quyền của nhà vua với vẻ đẹp sống động, tự nhiên, hiện thực, uy dũng.

Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc thời Lê sơ có đặc điểm chung là quy mô vừa phải, vừa mang tính khuôn thước, mẫu mực theo tinh thần Nho giáo, vừa mang nét giản dị, đậm tính dân gian. Các dòng tranh khắc gỗ Đông Hồ, Hàng Trống ra đời đã góp phần tạo nên những bức tranh dân gian đặc sắc, trở thành tài sản quý giá trong kho tàng nghệ thuật dân tộc.

Quan sát các hình 1.21, 1.22, đọc thông tin và nêu những thành tựu nghệ thuật điêu khắc thời Lê sơ.

4. Nghệ thuật thời Mạc

a) Những thành tựu tiêu biểu của nghệ thuật thời Mạc

Kiến trúc

Bối cảnh nội chiến kéo dài khiến kiến trúc cung đình thời Mạc không có điều kiện phát triển. Nhà Mạc chỉ sửa sang, gia cố vòng ngoài thành Thăng Long, bao gồm hệ thống thành luỹ, cung điện, phố phường và xây dựng một số cung điện (điện Phúc Huy, điện Hưng Quốc, điện Sùng Đức), lăng mộ ở Dương Kinh (Hải Phòng). Cuối thế kỉ XVI, nhà Mạc thất thế phải lui về cố thủ ở vùng biên giới phía đông bắc, một số công trình thành luỹ đã được xây dựng trong giai đoạn này. Tính chất phòng thủ là đặc điểm chi phối kiến trúc cung đình triều Mạc.

▲Hình 1.23. Nền móng Dương Kinh được khai quật ở Hải Phòng

▲Hình 1.24. Cổng thành nhà Mạc (Lạng Sơn)

Kiến trúc tôn giáo (chùa, đạo quán) và đặc biệt là hệ thống đình làng là đặc trưng nổi bật ở thời Mạc. Nhiều công trình kiến trúc tiêu biểu vẫn còn được bảo tồn như: đình Tây Đằng (Hà Nội), đình Thổ Hà, Đông Lỗ (Bắc Giang); chùa Bà Tấm, chùa Bối Khê, chùa Trăm Gian (Hà Nội), chùa Cập Nhất (Hải Dương); quán Hưng Thánh, Hội Linh, Linh Tiên (Hà Nội), quán Đế Thích, Chân Thánh (Hưng Yên), quán Tiên Phúc (Hải Dương),...

Em có biết

Thời Mạc, đình làng được trả về chốn dân gian, không còn giữ vai trò trung chuyển công văn của chính quyền nữa. Từ đây, ngôi đình đảm nhận nhiệm vụ là nơi thờ Thành hoàng, tụ phúc cho dân làng; là nơi sinh hoạt chung, tổ chức hội hè hằng năm của cộng đồng làng xã. Ngôi đình làng trở thành nơi hội tụ sức mạnh của cả cộng đồng và biểu trưng đặc sắc nhất của văn hoá làng xã.

▲Hình 1.25. Đình Tây Đằng (Ba Vì, Hà Nội)

Điêu khắc

Điêu khắc thời Mạc khá phát triển. Điểm độc đáo của điêu khắc thời Mạc là tính nhân bản, gần gũi với con người thể hiện qua các bức tượng giống người thật và những hình ảnh mô tả nếp sinh hoạt bình dân trong chạm khắc, hội hoạ như cảnh săn bắn, đấu hổ, đi thuyền du ngoạn, người phụ nữ gánh con, đẽo cày,...

▲Hình 1.26. Tượng Thái Tổ Mạc Đăng Dung tại chùa Trà Phương (Hải Phòng)

▲Hình 1.27. Phù điêu Thái Hoàng Thái hậu Vũ Thị Ngọc Toàn tại chùa Trà Phương (Hải Phòng)

▲Hình 1.28. Mảng chạm khắc gỗ hình người nuôi gia súc ở đình Tây Đằng (Ba Vì, Hà Nội)

▲Hình 1.29. Mảng chạm khắc gỗ hình mẹ gánh con ở đình Tây Đằng (Ba Vì, Hà Nội)

Quan sát các hình 1.26, 1.27, 1.28 và 1.29, đọc thông tin, nêu đặc điểm nghệ thuật điêu khắc thời Mạc.

b) Những nét chính trong kiến trúc, điêu khắc thời Mạc

Những di tích, di vật còn lại cho thấy nghệ thuật thời Mạc rất phong phú về thể loại: kiến trúc, điêu khắc, gốm sứ. Đặc điểm chung của các công trình kiến trúc là quy mô vừa phải, sử dụng các chất liệu chính là đá, gỗ, đất nung. Chủ đề điêu khắc thời Mạc đã hướng đến miêu tả những người dân lao động và thế giới thiên nhiên gần gũi, gắn bó với con người. Sự đổi mới về nội dung này đã đưa tới sự biến đổi trong phong cách sáng tác, vươn mạnh đến lối tả thực, giàu nhân tính.

Văn hoá dân gian đã trở thành đối tượng và nguồn cảm hứng vô tận để nghệ sĩ sáng tác, ngợi ca. Kế thừa nét mềm mại của thời Lý, sự dung dị, khoẻ khoắn của thời Trần, sự hồn hậu, nhân văn của thời Lê sơ, nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc thời Mạc đã góp phần phục hưng diện mạo văn hoá dân tộc.

1. Sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... để giới thiệu về nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc thời Mạc.

2. Những nội dung, hình ảnh nào trong bài cho thấy nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Mạc mang tính nhân bản, gần gũi với con người và thiên nhiên?

5. Nghệ thuật thời Lê trung hưng

a) Những nét chính trong kiến trúc, điêu khắc, mĩ thuật thời Lê trung hưng

Kiến trúc

Nét mới trong kiến trúc cung đình là sự xuất hiện của cụm kiến trúc phủ Chúa, được xây dựng ngoài hoàng thành, liền sát với khu dân cư. Cụm kiến trúc được thiết kế hình vuông, có tường bao quanh, nằm ở phía nam hồ Tả Vọng (hồ Hoàn Kiếm). Sân điện rộng lớn, dinh thự xây cao hai tầng, cột bằng gỗ lim, chạm trổ sơn son thếp vàng.

Kiến trúc đình làng phát triển rộng khắp trong các làng xã ở nông thôn Việt Nam. Các đình làng còn lại cho đến nay là: đình Thổ Tang, đình Hương Canh (Vĩnh Phúc), đình Hoàng Xá, đình Chu Quyến (Hà Nội), đình Thổ Hà (Bắc Giang), đình Phù Lão, đình Đình Bảng (Bắc Ninh), đình Thạch Lỗi (Hải Dương),...

▲Hình 1.30. Đình Chu Quyến (đình Chàng) ở Hà Nội

Kiến trúc Phật giáo thời Lê trung hưng đã có một bước tiến mới cả về bố cục và phong cách kiến trúc. Rất nhiều ngôi chùa được xây dựng với quy mô rất lớn, hoà nhập với cảnh sắc thiên nhiên để tăng thêm cả kích cỡ và nghệ thuật. Hầu hết các ngôi chùa đều xây dựng theo kiểu "nội công ngoại quốc". Những ngôi chùa có kiến trúc độc đáo phải kể đến là chùa Keo (Thái Bình), chùa Bút Tháp (Bắc Ninh), chùa Tây Phương (Hà Nội),...

Em có biết

Chùa Keo tương truyền được xây dựng bởi nhà sư Dương Không Lộ, thời vua Lý Thánh Tông. Chùa được xây lại năm 1630 – 1632 và được trùng tu nhiều lần. Không gian kiến trúc của chùa rộng khoảng 58 000 m² với nhiều cụm kiến trúc chụm vào nhau. Hiện nay còn lại 17 công trình, gồm 128 gian, xây dựng theo kiểu kiến trúc "nội công ngoại quốc". Tất cả các công trình đều được xây bằng gỗ lim, trang trí điêu khắc rất tinh xảo. Độc đáo nhất là gác chuông với ba tầng mái chồng lên nhau được liên kết bằng mộng để nâng đỡ 12 mái ngói với 12 thanh đao uốn lượn thanh thoát, tinh tế. Năm 2012, chùa Keo được công nhận là Di tích quốc gia đặc biệt.

▲Hình 1.31. Một phần mái chùa Tây Phương (Hà Nội)

▲Hình 1.32. Gác chuông chùa Keo (Thái Bình)

Điêu khắc

Nghệ thuật điêu khắc thời Lê trung hưng đạt đến trình độ khá điêu luyện, bao gồm điêu khắc trên chất liệu gỗ, trên đá và trên đồng. Nhiều di sản kiệt tác điêu khắc còn lại đến ngày nay: tượng Quan Âm Thiên thủ Thiên nhãn ở chùa Bút Tháp (Bắc Ninh), tượng Tuyết Sơn, tượng các vị La Hán ở chùa Tây Phương (Hà Nội), bia Nam Giao, bia Hàm Long (Hà Nội),...

▲Hình 1.33. Tượng Quan Âm Thiên thủ Thiên nhãn ở chùa Bút Tháp (Bắc Ninh)

▲Hình 1.34. Tượng Tuyết Sơn ở chùa Tây Phương (Hà Nội)

Tiếp nối thời Mạc, nghệ thuật dân gian thời này phát triển mạnh mẽ. Nghệ thuật chạm khắc và văn hoá dân gian qua hội hè đình đám mà nảy nở, phát triển; đúc kết và thể hiện đời sống dân gian đậm nét, độc đáo qua trí tuệ và tài năng thể hiện khéo léo của những nghệ nhân.

▲Hình 1.35. Mảng chạm khắc gỗ cảnh đi săn ở đình Hương Canh (Vĩnh Phúc)

▲Hình 1.36. Mảng chạm khắc gỗ cảnh hát cửa quan ở đình Ngọc Canh (Vĩnh Phúc)

Đề tài rồng vốn là hoa văn được trang trí trong kiến trúc cung đình thời này xuất hiện rộng rãi trong kiến trúc dân gian, đặc biệt là trong các ngôi đình, trên các viên gạch lát, trên chạm khắc gỗ với nhiều kiểu dáng khác nhau.

▲Hình 1.37. Hai mảng chạm khắc gỗ hình rồng ở đình Chu Quyến (Hà Nội)

1. Nêu những nét chính về kiến trúc, điêu khắc thời Lê trung hưng.

2. Sưu tầm và giới thiệu về một công trình kiến trúc hoặc điêu khắc thời Lê trung hưng mà em có ấn tượng nhất.

Mĩ thuật

Hội hoạ thời Lê trung hưng có sự thăng hoa, phản ánh đời sống vật chất, tinh thần phong phú, đậm chất dân gian qua loại hình tranh dân gian độc đáo: tranh Đông Hồ (Bắc Ninh), tranh Hàng Trống, tranh Kim Hoàng (Hà Nội). Chất liệu vẽ tranh gồm lụa, giấy bồi.

Các nghề sơn mài vẽ trang trí, vẽ thư pháp, vẽ chân dung và vẽ màu trên gốm, sứ được chúa Trịnh bảo trợ có sự phát triển mạnh mẽ.

▲Hình 1.38. Hứng dừa (tranh Đông Hồ)

▲Hình 1.39. Chân dung Trịnh Đình Kiên (1715 – 1786) (tranh lụa, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, Hà Nội)

Những hoa văn trang trí trên dòng gốm kí kiểu trong Nội phủ Chúa Trịnh đặc biệt tinh xảo.

Trong các thế kỉ XVII – XVIII, nhã nhạc (nhạc cung đình) và tục nhạc (nhạc giáo phường) có xu hướng hoà nhập cùng nhau. Các loại hình ca múa nhạc dân gian phát triển phong phú, sống động như: dân ca, chèo, tuồng, múa rối nước,... thấm đậm tính nhân bản và tinh thần dân tộc.

b) Những điểm mới trong nghệ thuật thời Lê trung hưng

Bối cảnh lịch sử thế kỉ XVII – XVIII gắn với nội chiến, chia cắt kéo dài; sự phát triển mới của các đô thị dưới ảnh hưởng của kinh tế hàng hoá qua vai trò của thương nhân phương Tây và thương nhân Hoa kiều đã tác động không nhỏ đến sự phát triển của nghệ thuật truyền thống thời Lê trung hưng. Xu hướng hoà nhập giữa nghệ thuật cung đình với nghệ thuật dân gian trở thành xu hướng chủ đạo, thậm chí nghệ thuật dân gian còn lấn át nghệ thuật cung đình.

Đặc điểm nổi bật của nghệ thuật thời Lê trung hưng là tính nhân bản và tinh thần dân tộc được đẩy lên rất cao. Những công trình kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ hay âm nhạc đều phản ánh sinh động đời sống sinh hoạt của các tầng lớp xã hội vừa hiện thực, vừa đậm đặc tính dân gian. Bên cạnh đó, nghệ thuật thời Lê trung hưng, nhất là điêu khắc và hội hoạ vẫn có sự chọn lọc những yếu tố mới tiếp thu từ văn hoá Trung Hoa, kể cả phương Tây.

Trình bày những điểm mới trong nghệ thuật thời Lê trung hưng.

6. Nghệ thuật thời Nguyễn

a) Những nét chính trong nghệ thuật thời Nguyễn

Kiến trúc

Hệ thống kiến trúc thời Nguyễn phát triển mạnh mẽ, để lại nhiều dấu ấn quan trọng trong lịch sử kiến trúc Việt Nam.

Dấu ấn nổi bật nhất là kiến trúc kinh thành Huế, bao gồm hệ thống thành luỹ, cung điện, lăng tẩm, đàn miếu, chùa chiền, nhà ở, phố phường,... Kiến trúc kinh thành Huế là sự kết hợp độc đáo giữa những nguyên tắc kiến trúc truyền thống Việt Nam và tư tưởng triết lí phương Đông với kiến trúc quân sự phương Tây kiểu Vô-băng.

Em có biết

Kinh thành Huế được xây dựng và hoàn thiện trong suốt 140 năm (1805 – 1945), nằm trên bờ bắc sông Hương, quay mặt về hướng nam.

Về mặt phong thuỷ, tiền án của kinh thành là núi Ngự Bình cao hơn 100 m; hai bên là cồn Hến và cồn Dã Viên tạo thế rồng chầu, hổ phục đề cao vương quyền. Sông Hương rộng, trải dài giữa hai cồn như một cánh cung mang sinh khí cho kinh thành.

Đây là một phức hợp công trình kiến trúc có giá trị phòng ngự cao như luỹ, pháo đài, hoả mai, một sự kết hợp hài hoà giữa thành luỹ truyền thống và thành hào hiện đại của châu Âu thời bấy giờ.

Quần thể di tích Cố đô Huế được UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá thế giới với tiêu chí là một ví dụ nổi bật về một thủ đô phong kiến ở phương Đông.

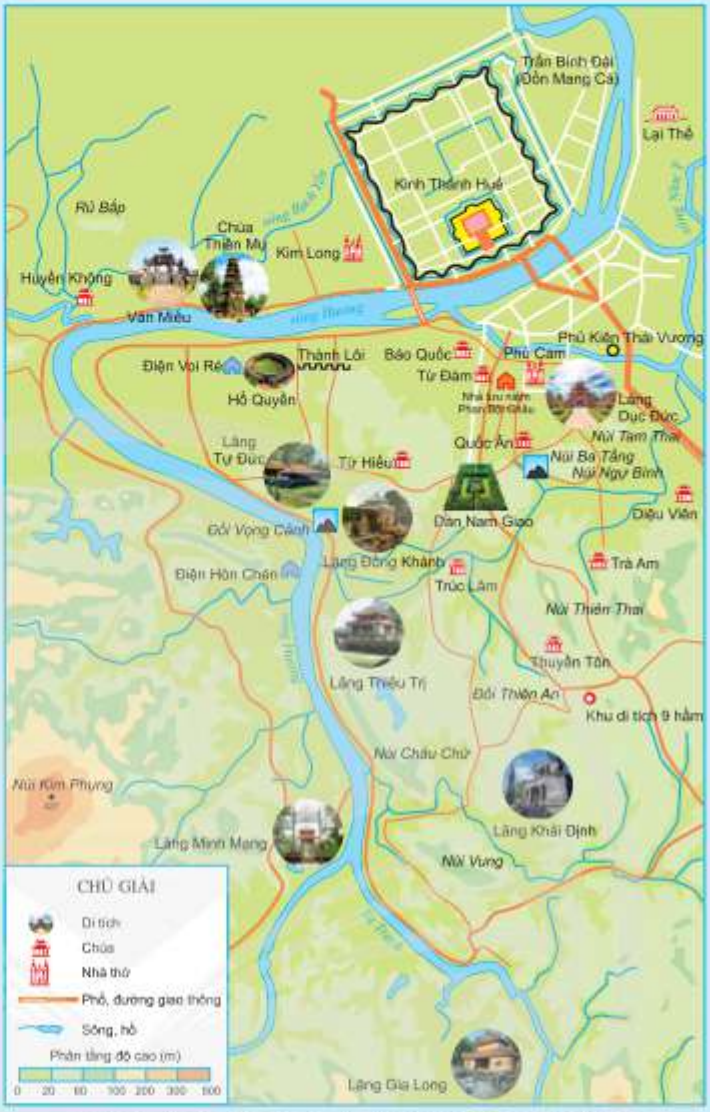

▲Hình 1.40. Sơ đồ Quần thể di tích Cố đô Huế

Trong nửa đầu thế kỉ XIX, triều Nguyễn đã xây dựng một hệ thống quy mô các kiến trúc trấn thành, tỉnh thành, phủ thành, huyện thành và pháo đài trên toàn lãnh thổ quốc gia. Tiêu biểu nhất là kiến trúc thành Gia Định (Sài Gòn) và thành Hà Nội. Ban đầu, các thành được đắp bằng đất, về sau được ốp gạch, đá núi hoặc đá ong ở mặt ngoài, mặt trong tường thành và các cổng thành.

Kiến trúc lăng (mộ của vua và hoàng hậu), tẩm (mộ của các thành viên thuộc hoàng tộc), đàn miếu (thờ phụng trời, đất, tổ tiên, thần linh) là một bộ phận quan trọng của kiến trúc cung đình triều Nguyễn. Đây là những công trình kiến trúc đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật truyền thống và sự hài hoà với tự nhiên.

▲Hình 1.41. Đàn Xã tắc (Huế)

▲Hình 1.42. Đền Bà Triệu (Thanh Hoá)

Kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng tuy không nở rộ như giai đoạn Lê trung hưng, nhưng đã để lại một sức sống mạnh mẽ. Đặc điểm chung của kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng thời Nguyễn là vừa kế thừa phong cách kiến trúc thế kỉ XVII – XVIII, vừa có xu hướng mở rộng về quy mô, bố cục bề thế phản ánh tính tập quyền, thống nhất cao độ của thể chế phong kiến và đời sống hiện thực của đất nước, xã hội và con người Việt Nam đương thời.

Điêu khắc

Nghệ thuật điêu khắc thời Nguyễn phát triển phong phú, đa dạng, có mặt trong mọi công trình kiến trúc từ cung đình tới dân gian. Điêu khắc nửa đầu thế kỉ XIX có sự tiếp nối ý tưởng, đề tài, phương pháp tạo hình của các thế kỉ trước. Chất liệu điêu khắc thường dùng là đồng, đá, gốm men, gỗ, ngà voi, vàng, bạc,...

▲Hình 1.43. Cửu vị thần công (Huế)

▲Hình 1.44. Cửu đỉnh (Huế)

Bên cạnh đó còn phải kể đến hàng nghìn sản phẩm điêu khắc đặc thù của triều đình như ấn chương, kiếm, kim ngọc bảo tỉ,... đa số đều là độc bản, chạm khắc trên các chất liệu quý (vàng, ngọc,...).

Em có biết

Ấn ngọc "Đại Nam thụ thiên vĩnh mệnh truyền quốc tỉ" là ngọc tỉ quý và lớn nhất trong sưu tập Bảo vật triều Nguyễn. Ấn được làm vào năm 1846 và vua Thiệu Trị đã đích thân làm lễ Đại tự cho khắc chữ trên mặt ấn. Ngọc ấn dùng trong Đại lễ tế Giao hằng năm ở đàn Nam Giao (kinh đô Huế), đóng trên những bản sắc mệnh ban cho các chư hầu và những việc ban bố cho thiên hạ.

▲Hình 1.45. Ấn ngọc "Đại Nam thụ thiên vĩnh mệnh truyền quốc tỉ" (Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Hà Nội)

1. Nêu những nét cơ bản và điểm mới về kiến trúc, điêu khắc thời Nguyễn.

2. Sưu tầm tranh ảnh, video giới thiệu về Quần thể di tích kiến trúc Cố đô Huế với lớp của em.

Hội hoạ

Dấu ấn tiêu biểu của hội hoạ thời Nguyễn là những bức tranh trang trí kết hợp với thơ văn ở các công trình kiến trúc (mỗi ô thơ hoặc chữ được chạm khắc kèm theo một bức hoạ với các chủ đề tứ linh, tứ quý, rồng, hạc, cây cỏ, hoa lá, chim muông,...).

Nhiều làng, phường tranh dân gian tiếp tục phát triển với các dòng tranh thờ, tranh trang trí, tranh mô tả sinh hoạt,... Đặc biệt, dòng tranh gương (tranh kính) đã du nhập và phát triển từ đầu thế kỉ XIX.

Em có biết

Dòng tranh gương dùng chất liệu bột màu pha keo hoặc sơn, được vẽ hoặc khảm xà cừ vào mặt sau của gương theo lối "phản hoạ" (Kĩ thuật vẽ ngược chiều, vẽ âm bản ở mặt sau để nhìn mặt trước thành dương bản). Tranh gương cung đình do triều Nguyễn đặt hàng (kí kiểu) từ Trung Quốc, được vẽ theo mẫu của Bộ Công dưới hình thức mộc bản.

Hình bên minh hoạ bài thơ Vĩnh thiệu phương văn của vua Thiệu Trị, ca ngợi vẻ đẹp của vườn Thiệu Phương (vườn Ngự uyển trong Hoàng cung Huế).

▲Hình 1.46. Tranh gương minh hoạ thơ

Âm nhạc

Đến thời Nguyễn, âm nhạc cung đình được hoàn thiện và phát triển đến đỉnh cao trên cơ sở kế thừa thành tựu âm nhạc dân tộc và sự tiếp thu, dân tộc hoá một số yếu tố bên ngoài. Đặc sắc nhất là Nhã nhạc cung đình, một loại hình nghệ thuật đặc biệt sử dụng trong các dịp tế lễ, lễ tiết của triều đình.

Em có biết

Duyệt Thị đường được xem là nhà hát cổ nhất của Việt Nam. Công trình được vua Minh Mạng cho xây mới vào năm 1826 trên nền cũ của Thanh Phong đường thời Gia Long. Đây là nơi dành riêng cho nhà vua, hoàng tộc, các đại thần trong triều và quốc khách đến xem biểu diễn nghệ thuật.

Kiến trúc Duyệt Thị đường có tổng thể hình vuông, cao hai tầng. Trần nhà được chạm nổi cảnh trăng, sao tượng trưng Vũ Trụ thu nhỏ. Bên ngoài chạm khắc hình rồng, phượng và hoa văn tinh tế.

▲Hình 1.47. Bên trong Duyệt Thị đường (Thừa Thiên Huế)

Âm nhạc và các hình thức diễn xướng dân gian tuỳ theo đặc trưng vùng miền, tộc người đều có sự phát triển phong phú, đa dạng. Các loại hình âm nhạc và diễn xướng phổ biến là tuồng, chèo, múa rối, hát nói, lí,...

Hội hoạ và âm nhạc thời Nguyễn có sự phát triển như thế nào? Sưu tầm và giới thiệu một loại hình âm nhạc cổ ở địa phương em.

▲Hình 1.48. Biểu diễn nghệ thuật tuồng cổ

b) Những điểm mới trong nghệ thuật thời Nguyễn

Kế thừa thành tựu nghệ thuật truyền thống dân tộc, nghệ thuật thời Nguyễn đã cải biến và phát huy mạnh mẽ, đầy thuyết phục những giá trị tinh hoa của dân tộc. Từ kiến trúc, điêu khắc cho đến hội hoạ, âm nhạc đều có sự kết hợp hài hoà giữa yếu tố truyền thống và yếu tố cách tân, phản ánh quá trình lao động sáng tạo không ngừng của nhân dân.

Đặc điểm nổi bật của nghệ thuật thời Nguyễn là các công trình nghệ thuật luôn hài hoà với thiên nhiên, có kết cấu tổng thể chặt chẽ, ý tưởng sáng tạo, phương pháp biểu đạt mạch lạc, quy chuẩn. Đặc biệt, nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc và hội hoạ đã phát triển đa dạng, có sự tiếp thu thành tựu nghệ thuật Trung Hoa và phương Tây.

▲Hình 1.49. Kỳ đài (Hà Nội)

Nhà Nguyễn đã bước đầu thể hiện tính chuyên nghiệp qua khả năng tổ chức quản lí các hoạt động nghệ thuật (Cục Hoạ tượng, Ty Giáo phường), trưng tập thợ giỏi, nghệ nhân vào mục đích sáng tạo và phát triển. Nhờ đó, nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ và âm nhạc thời Nguyễn đã có bước phát triển vượt bậc so với các giai đoạn trước đó, để lại cho ngày nay một di sản to lớn các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể có giá trị về nhiều mặt.

1. Trình bày những nét chính về hội hoạ, âm nhạc thời Nguyễn.
2. Nêu những điểm mới trong nghệ thuật thời Nguyễn.

Lắng nghe lịch sử

Ngày 31 – 7 – 2010 tại thủ đô Bra-xi-li-a của Bra-xin, Uỷ ban Di sản thế giới của UNESCO đã thông qua Nghị quyết công nhận Khu Di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội là di sản văn hoá thế giới dựa trên 3 tiêu chí nổi bật: chiều dài lịch sử, văn hoá; tính liên tục của tài sản với tư cách là một trung tâm quyền lực và sự đa dạng, phong phú của các tầng di tích, di vật.

Cùng với Khu trưng bày di tích Hoàng thành Thăng Long, Khu trưng bày di tích, di vật dưới tầng hầm toà nhà Quốc hội góp phần phản ánh sinh động lịch sử phát triển lâu dài, liên tục của Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long suốt 1300 năm. Chính thức hoạt động từ năm 2016, Khu trưng bày di tích, di vật dưới tầng hầm toà nhà Quốc hội là Bảo tàng Khảo cổ học đầu tiên của Việt Nam thực hiện chức năng kết nối lịch sử với cuộc sống; tạo nên hình ảnh biểu trưng độc đáo của sự tiếp nối, tôn vinh giá trị truyền thống, phản ánh sức sống trường tồn của trung tâm quyền lực trong lịch sử vẻ vang của dân tộc, đồng thời góp phần quan trọng trong việc quảng bá giá trị di sản Hoàng thành Thăng Long đến với công chúng trong nước và quốc tế.

Hình 1.50. Một phần Khu trưng bày di tích, di vật dưới tầng hầm toà Nhà Quốc hội (Hà Nội)

LUYỆN TẬP

1. Hoàn thành bảng hệ thống kiến thức về nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc thời Lê sơ, thời Mạc và thời Lê trung hưng theo mẫu dưới đây:

Thời kì	Kiến trúc	Điêu khắc	Đặc điểm
Thời Lê sơ	?	?	?
Thời Mạc	?	?	?
Thời Lê trung hưng	?	?	?

2. Nêu những điểm mới trong nghệ thuật thời Lê trung hưng và thời Nguyễn.

VẬN DỤNG

Từ nội dung chuyên đề và sưu tầm thêm tài liệu từ sách, internet, lập kế hoạch bảo tồn và quảng bá một loại hình nghệ thuật truyền thống của dân tộc hoặc của địa phương.

CHUYÊN ĐỀ 2

CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH TRONG THẾ KỈ XX

Học xong chuyên đề này, em sẽ:

– Giải thích được nguyên nhân cơ bản dẫn đến hai cuộc đại chiến; đánh giá được những hậu quả, tác động của nó đối với thế giới.

– Phân tích được khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới thông qua ví dụ cụ thể. Nêu được ý nghĩa của phong trào kháng chiến chống phát xít vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ hai; phân tích được ý nghĩa cuộc Chiến tranh Vệ quốc của nhân dân Liên Xô.

– Nêu được nét chính về nguyên nhân, đặc điểm của Chiến tranh lạnh; đánh giá được những hậu quả, tác động của nó đối với thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng. Giải thích được vì sao sau đó, các cuộc chiến tranh, xung đột vẫn tiếp diễn thông qua ví dụ cụ thể.

– Biết cách sưu tầm tư liệu để tìm hiểu về cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh; nêu được nét chính về phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể; giải thích được vì sao cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc. Có ý thức trân trọng và góp phần tham gia vào cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới.

Thế kỉ XX là thế kỉ có hai cuộc đại chiến thế giới và nhiều cuộc chiến tranh khác (Chiến tranh lạnh, Chiến tranh Việt Nam,...) nhưng đó cũng là thế kỉ của những biến đổi lớn nhất trong lịch sử nhân loại, trong đó, vấn đề hoà bình đặt ra thành một trong những vấn đề toàn cầu. Vậy, nguyên nhân của những cuộc chiến tranh ấy là gì và hậu quả, tác động của nó đối với hoà bình trên toàn thế giới, cũng như đối với từng quốc gia như thế nào? Nội dung chuyên đề sẽ giúp em tìm hiểu rõ những điều đó.

▲Hình 2.1. Hình chim bồ câu – biểu tượng của hoà bình

1. Chiến tranh và hoà bình nửa đầu thế kỉ XX

a) Hai cuộc chiến tranh thế giới nửa đầu thế kỉ XX

Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)

• ***Nguyên nhân***

Sự phát triển không đồng đều của chủ nghĩa tư bản vào cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX đã làm so sánh lực lượng giữa các nước đế quốc thay đổi. Một số đế quốc "già" như Anh, Pháp chiếm nhiều thuộc địa, tuy nhiên nền kinh tế phát triển ngày càng chậm lại. Trong khi đó, những đế quốc "trẻ" như Mỹ, Đức có ít thuộc địa nhưng nhờ tiếp thu thành tựu khoa học kĩ thuật nên phát triển vượt bậc.

Mâu thuẫn về vấn đề thuộc địa ngày càng trở nên gay gắt, hình thành hai phe đối lập là phe Liên minh (gồm Đức, Áo – Hung, I-ta-li-a) và phe Hiệp ước (gồm Anh, Pháp, Nga). Cả hai bên ra sức chạy đua vũ trang, chuẩn bị cho cuộc chiến tranh chia lại thế giới.

▲Hình 2.2. Bức tranh biếm hoạ về các nước đế quốc tranh giành Trung Quốc

Em có biết

Bức biếm hoạ "China, the cake of kings and emperors" (Trung Quốc, miếng bánh của các đế quốc), được vẽ năm 1898, mô tả người đứng đầu các đế quốc đang tranh giành "miếng bánh" Trung Quốc, phản ánh mâu thuẫn sâu sắc giữa các cường quốc về vấn đề thuộc địa.

• ***Hậu quả***

Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc với thất bại của phe Liên minh nhưng không một nước châu Âu nào thật sự chiến thắng. Tất cả các nước tham chiến và bị lôi kéo vào chiến tranh đều bị tàn phá nặng nề, thiệt hại nghiêm trọng cả người và của.

Cuộc chiến đã làm hơn mười triệu người chết, hàng chục triệu người bị thương, tàn phế; nhiều thành phố, làng mạc, nhà máy bị phá huỷ; thiệt hại hàng trăm tỉ đô la.

▲Hình 2.3. Một góc làng mạc (ở thị trấn An-bớt, Pháp) bị thiệt hại sau chiến tranh

• ***Tác động***

Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc đã mở ra một thời kì mới trong quan hệ quốc tế. Các nước đế quốc tham chiến (Anh, Pháp, Đức, I-ta-li-a,…) bị tổn thất và suy yếu nặng nề, trong khi đó các cường quốc như Mỹ, Nhật Bản,

đã vươn lên nhanh chóng. Hiệp ước Véc-xai – Oa-sinh-tơn được kí kết tạo nên một trật tự thế giới mới dựa trên sức mạnh và đua tranh của chủ nghĩa đế quốc; mâu thuẫn giữa các nước lớn càng ngày càng bị khoét sâu hơn.

Sự tham chiến của các nước đế quốc tác động sâu sắc tới tình hình chính trị – xã hội ở chính quốc cũng như thuộc địa. Mâu thuẫn xã hội trở nên gay gắt ngay trong lòng các nước tư bản. Phong trào giải phóng ở các thuộc địa diễn ra mạnh mẽ và quyết liệt.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 tạo ra chuyển biến quan trọng trong quan hệ quốc tế.

Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)

- ***Nguyên nhân***

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, việc tổ chức và phân chia thế giới theo hệ thống Véc-xai – Oa-sinh-tơn gây ra nhiều xung đột, mâu thuẫn về quyền lợi và lãnh thổ giữa các nước đế quốc ngày càng gay gắt. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 đẩy nhiều nước vào con đường phát xít hoá, chủ trương gây chiến tranh phân chia lại thế giới.

Chiến tranh thế giới thứ hai gắn liền với mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc với chủ nghĩa xã hội. Các nước đế quốc dù mâu thuẫn với nhau nhưng đều có âm mưu chống Liên Xô.

Trong thập niên 30 của thế kỉ XX, các nước phát xít (Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản) ra sức bành trướng thế lực, chạy đua vũ trang. Các cường quốc Mỹ, Anh, Pháp đã dung túng, nhượng bộ qua việc kí *Hiệp ước Muy-ních* năm 1938, tạo điều kiện cho Đức bành trướng, thôn tính Tiệp Khắc, Ba Lan, mở đầu cuộc đại chiến vào ngày 1 – 9 – 1939.

- ***Hậu quả***

Chiến tranh thế giới thứ hai kéo dài 6 năm (từ năm 1939 đến năm 1945), diễn ra trên nhiều mặt trận ở các châu lục, trở thành cuộc chiến lớn nhất, khốc liệt nhất, tàn phá nặng nề nhất trong lịch sử nhân loại.

▲Hình 2.4. Một góc thành phố Luân Đôn bị Đức ném bom ngày 9 – 9 – 1940

Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản và các lực lượng phát xít khác bị đánh bại bởi lực lượng đồng minh và nhân dân yêu chuộng hoà bình dân chủ trên thế giới. Tuy nhiên, cả nước thắng trận lẫn bại trận đều chịu thiệt hại nặng nề về người và của.

Bảng 2.1. Bảng thống kê so sánh hai cuộc chiến tranh thế giới

	CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT	CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI
Những nước tuyên bố tình trạng chiến tranh	36	76
Số người bị động viên vào quân đội (triệu người)	74	110
Số người chết (triệu người)	13,6	60
Số người bị thương và tàn tật (triệu người)	20	90
Thiệt hại về vật chất (tỉ đô la)	388	4 000
Chi phí quân sự trực tiếp (tỉ đô la)	208	1 384

(Theo Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003, trang 217)

Chiến tranh thế giới thứ hai còn để lại di chứng nặng nề cho người dân Nhật Bản bởi sự huỷ diệt khủng khiếp của vũ khí nguyên tử.

Em có biết

Ngày 6 – 8 – 1945, Mỹ đã thả một quả bom nguyên tử có biệt danh là "Little boy" xuống Hi-rô-si-ma, giết chết ngay lập tức khoảng 70 000 người, sau đó có khoảng 140 000 người chết vì thương tích và các bệnh liên quan phóng xạ. Ngày 9 – 8 – 1945, Mỹ tiếp tục ném quả bom thứ hai có tên gọi là "Fat man" xuống Na-ga-sa-ki khiến hơn 70 000 người thiệt mạng. Di chứng để lại cho nạn nhân do bom nguyên tử là vô cùng thảm khốc.

Hình 2.5. Công viên tưởng niệm hoà bình Hi-rô-si-ma (Nhật Bản) – nơi diễn ra Lễ tưởng niệm các nạn nhân đã thiệt mạng vì bom nguyên tử vào 8 giờ 15 phút ngày 6 – 8 hằng năm

• ***Tác động***

Chiến tranh thế giới thứ hai đã tác động sâu sắc vào quan hệ quốc tế. Chiến thắng của Hồng quân Liên Xô trong Chiến tranh Vệ quốc đã khẳng định được sức mạnh vượt trội của nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhờ đó, nhân dân nhiều nước Đông Âu đã nổi dậy giành chính quyền, lựa chọn con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Chiến tranh đã làm thay đổi tương quan lực lượng giữa các nước lớn. Một trật tự thế giới mới được hình thành được gọi là Trật tự hai cực I-an-ta, đứng đầu hai phe là Liên Xô và Mỹ.

Chiến tranh giữa các đế quốc đã tạo thời cơ cho nhiều nước thuộc địa đứng lên giải phóng, giành độc lập dân tộc, phá vỡ từng mắt xích trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Một số nước đã lựa chọn đi theo chủ nghĩa xã hội.

Bài học về chiến tranh, chủ nghĩa phát xít và vũ khí nguyên tử đã tác động mạnh mẽ tới toàn nhân loại. Xu thế hoà bình, nguyên tắc bình đẳng, chủ quyền giữa các quốc gia trở thành nền tảng trong hợp tác quốc tế. Liên hợp quốc ra đời trở thành tổ chức quốc tế thúc đẩy hợp tác, đấu tranh, góp phần duy trì nền hoà bình thế giới.

1. Nêu nguyên nhân cơ bản dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới ở nửa đầu thế kỉ XX.

2. Nêu dẫn chứng cụ thể để phân tích hậu quả của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất và Chiến tranh thế giới thứ hai.

b) Cuộc đấu tranh vì hoà bình giữa hai cuộc chiến tranh thế giới

Sắc lệnh Hoà bình của chính quyền Xô viết (1917)

Giữa lúc Chiến tranh thế giới thứ nhất đang diễn ra ác liệt, những người cộng sản Nga đã lãnh đạo nhân dân đứng lên lật đổ chế độ Nga hoàng, lập nên Chính phủ cách mạng. Ngay sau khi cách mạng thắng lợi, Chính quyền Xô viết ban hành Sắc lệnh Hoà bình.

Sắc lệnh Hoà bình chỉ rõ bộ mặt thật gây chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc và tay sai; khẳng định nhà nước xã hội chủ nghĩa yêu chuộng hoà bình, phản đối chiến tranh; đề nghị các nước tham chiến kí kết hoà ước bình đẳng và dân chủ, không xâm chiếm và bồi thường chiến tranh.

Chính sách ngoại giao hoà bình của Liên Xô

Đầu năm 1918, Chính phủ Nga Xô viết kí kết *Hoà ước Brét – Li-tốp* với Đức, nước Nga có thời gian để củng cố tiềm lực, bảo vệ được nền độc lập. Ngày 30 – 12 – 1922, Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô) ra đời.

Em có biết

Ngày 3 – 3 – 1918, Hoà ước được kí kết tại Brét – Li-tốp giữa đại diện nước Nga Xô viết với đại diện các nước phe Liên minh (Đức, Áo – Hung, Thổ Nhĩ Kỳ, Bun-ga-ri). Nga phải chịu cắt đất khoảng 750 000 km² với hơn 50 triệu dân cho Thổ Nhĩ Kỳ, phải giải ngũ quân đội và bồi thường 6 tỉ mác cho Đức. Đến mùa thu 1918, Đức thất bại, một số vùng đất bị mất lại thuộc về Nga.

Hình 2.6. Đại diện nước Nga Xô viết và đại diện các nước phe Liên minh kí kết *Hoà ước Brét – Li-tốp*

Liên Xô thực hiện chính sách ngoại giao linh hoạt với các nước tư bản; đến giữa những năm 1920 có trên 20 nước chính thức thiết lập ngoại giao với Liên Xô, Mỹ thiết lập ngoại giao với Liên Xô năm 1933.

Trước nguy cơ chiến tranh, Liên Xô cùng các lực lượng dân chủ thành lập Mặt trận chống chủ nghĩa phát xít. Liên Xô kí với Đức *Hiệp ước không xâm phạm lẫn nhau (Hiệp ước Xô – Đức)* tại Mát-xcơ-va (ngày 23 – 8 – 1939), Liên Xô có thêm thời gian hoà bình để chuẩn bị lực lượng.

Em có biết

Hiệp ước Xô – Đức với các nội dung thoả thuận hai bên cam kết không xâm phạm lẫn nhau, giữ thái độ trung lập nếu một trong hai bên bị bên thứ ba tấn công. Kèm theo Hiệp ước là một Nghị định thư được kí bổ sung. Sau khi Đức tấn công Liên Xô vào ngày 22 – 6 – 1941, văn bản này không còn giá trị.

Hình 2.7. Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô V.M. Mô-lô-tốp kí *Hiệp ước Xô – Đức* ▶

Hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu giữa hai cuộc chiến tranh thế giới

Từ năm 1919 đến năm 1922, các nước châu Âu họp và kí kết nhiều hiệp ước trong hệ thống Véc-xai và hệ thống Oa-sinh-tơn nhằm chia nhau quyền lợi, thiết lập trật tự thế giới mới, đặt cơ sở xây dựng an ninh tập thể. Hội nghị Hoà bình Véc-xai (1919 – 1920) đã thành lập Hội Quốc liên với mục tiêu thúc đẩy hợp tác, bảo vệ hoà bình và an ninh thế giới.

Ở châu Âu cũng diễn ra hàng loạt hội nghị về hoà bình và an ninh tương hỗ giữa các nước: *Hội nghị Giê-nô-va (I-ta-li-a)* tháng 4 và 5 – 1922 với sự tham gia của 29 nước, bàn về các vấn đề của châu Âu; *Hội nghị Lô-các-nô (Thuỵ Sỹ)* tháng 10 – 1925 bàn về an ninh tập thể ở châu Âu; *Hiệp ước Bri-ăng – Ken-lốt-giơ* tháng 8 – 1928 với 57 quốc gia tham gia, cam kết từ bỏ chiến tranh; *Hội nghị giải trừ quân bị ở Giơ-ne-vơ* từ năm 1932 đến 1935 với 63 quốc gia tham gia, đưa ra vấn đề loại trừ chiến tranh, bảo đảm hoà bình và an ninh quốc tế.

Từ năm 1933 đến năm 1939, nhiều hiệp ước an ninh tương hỗ được kí kết về an ninh tập thể ở châu Âu (*Hiệp ước Liên Xô – Pháp, Hiệp ước Liên Xô – Tiệp Khắc,...*).

Em có biết

Tổng thống Mỹ U. Uyn-sơn đã chủ trương thành lập cơ chế an ninh tập thể, thể hiện trong Chương trình 14 điểm. Đây được xem là kế hoạch chi tiết cho nền hoà bình thế giới và được sử dụng trong Hội nghị Hoà bình năm 1919. Hội Quốc liên được thành lập trên cơ sở tư tưởng này. Vì những nỗ lực tạo dựng hoà bình, Tổng thống U. Uyn-sơn đã được trao giải Nô-ben Hoà bình vào năm 1919.

▲Hình 2.8. Tổng thống Mỹ U. Uyn-sơn và Tổng thống Pháp R. Poăng-ca-rê tham dự Hội nghị Hoà bình Véc-xai (1919)

Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh

Quốc tế Cộng sản triệu tập Đại hội lần thứ VII tại Mát-xcơ-va (từ ngày 25 – 7 đến ngày 25 – 8 – 1935), thành lập Mặt trận nhân dân để thống nhất lực lượng, mở rộng sự đoàn kết với các tầng lớp nhân dân để chống chủ nghĩa phát xít.

Phong trào đấu tranh dân chủ, chống phát xít và nguy cơ chiến tranh lan rộng ra nhiều nước như Tây Ban Nha, Hy Lạp, I-ta-li-a, Tiệp Khắc,… Tại Pháp, Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp được thành lập, đấu tranh bảo vệ nền dân chủ.

1. Nước Nga Xô viết đã có những chính sách gì nổi bật để đấu tranh bảo vệ nền hoà bình thế giới trong thời kì giữa hai cuộc đại chiến?
2. Các nước châu Âu đã nỗ lực xây dựng hệ thống an ninh tập thể giữa hai cuộc chiến tranh thế giới như thế nào?

c) Phong trào kháng chiến chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai

Phong trào kháng chiến chống phát xít ở châu Âu, châu Á, châu Phi

Trước nguy cơ đe doạ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh lan rộng, phong trào chống phát xít đã bùng lên mạnh mẽ ở khắp nơi.

▲Hình 2.9. Nhóm quân khởi nghĩa chống phát xít ở Pháp năm 1944

Ở châu Âu (tiêu biểu ở Ba Lan, Pháp, Nam Tư, Hy Lạp, I-ta-li-a,…) các lực lượng vũ trang được xây dựng, tổ chức các hoạt động chống phát xít. Phong trào kháng chiến chống phát xít của các nước châu Âu đã tạo nên sức mạnh chính nghĩa, hỗ trợ Hồng quân Liên Xô cùng phe Đồng minh tiêu diệt chủ nghĩa phát xít trên chiến trường châu Âu.

Ở châu Á, các lực lượng kháng chiến phát triển mạnh, đặt ra mục tiêu chống phát xít cùng với nhiệm vụ giải phóng thuộc địa. Tiêu biểu là cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật của nhân dân Trung Quốc; đòi thực dân Anh trao quyền tự trị ở Ấn Độ; thành lập các mặt trận, liên minh chống phát xít ở các quốc gia Đông Nam Á,…

Ở châu Phi, phong trào đấu tranh chống đế quốc và chiến tranh phát xít cũng dâng cao ở Ê-ti-ô-pi-a (chống phát xít I-ta-li-a), ở Ai Cập, Liên bang Nam Phi (chống đế quốc Anh),...

Những cuộc đấu tranh chống phát xít ở châu Á, châu Phi tạo nên tiền đề cho phong trào giải phóng dân tộc bùng lên mạnh mẽ và giành thắng lợi ở các châu lục này, trong và sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Cuộc Chiến tranh Vệ quốc của nhân dân Liên Xô

Trong thời gian từ tháng 6 – 1941 đến tháng 5 – 1945, nhân dân Liên Xô đã tiến hành cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại để bảo vệ lãnh thổ và góp phần tiêu diệt phát xít. Hồng quân Liên Xô đã giành thắng lợi trong nhiều trận đánh oanh liệt. Ngày 9 – 5 – 1945, phát xít Đức chính thức đầu hàng Liên Xô và phe Đồng minh.

Em có biết

Chiến tranh Vệ quốc chống chủ nghĩa phát xít, Liên Xô đã phải chịu những hi sinh mất mát to lớn: gần 27 triệu người bị thiệt mạng (8,7 triệu binh lính và 18 triệu dân thường), khoảng 4 triệu người bị tra tấn và sát hại trong các trại tập trung của quân phát xít, khoảng 4,5 triệu hồng quân bị bắt giữ, trong đó hi sinh 2,5 triệu người.

Hình 2.10. Quân dự bị động viên của Liên Xô tiến ra mặt trận ngày 23 – 6 – 1941 với niềm tin *"Chính nghĩa thuộc về chúng ta. Kẻ thù sẽ bị tiêu diệt. Chiến thắng sẽ thuộc về chúng ta"* ▶

Thắng lợi của nhân dân Liên Xô đã góp phần to lớn tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai. Chiến thắng của Liên Xô thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở thuộc địa bùng lên mạnh mẽ và giành được thắng lợi. Nhiều nước ở Đông Âu và châu Á đã lựa chọn con đường cách mạng dân chủ nhân dân.

Sau chiến tranh, Liên Xô phát triển thành siêu cường về kinh tế, quân sự, là thành trì vững chắc của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa.

▲Hình 2.11. Chiến sĩ Hồng quân Liên Xô treo cờ búa liềm trên nóc toà nhà Quốc hội Đức, tác giả E. Khan-đây

1. Phong trào kháng chiến chống phát xít ở châu Âu, châu Á, châu Phi đã diễn ra như thế nào?

2. Phân tích ý nghĩa của cuộc Chiến tranh Vệ quốc của nhân dân Liên Xô chiến thắng Chủ nghĩa phát xít.

2. Chiến tranh và hoà bình từ sau năm 1945 đến nay

a) Chiến tranh lạnh (1947 – 1989)

Nguyên nhân

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1945), Mỹ và Liên Xô phát triển thành hai siêu cường với hai hệ tư tưởng đối lập nhau sâu sắc và tranh giành quyền lãnh đạo thế giới. Cuộc đối đầu giữa Mỹ và Liên Xô đã tạo nên cuộc Chiến tranh lạnh trong giai đoạn 1947 – 1989 thể hiện trên các lĩnh vực tư tưởng, chính trị, quân sự, kinh tế,…

Liên Xô đã giúp đỡ các nước Đông Âu nhanh chóng phục hồi sau chiến tranh, hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa; đồng thời đẩy mạnh phát triển kinh tế, khoa học kĩ thuật và quốc phòng tạo thế cân bằng với các nước Tây Âu.

Nước Mỹ không bị chiến tranh tàn phá đã vươn lên thành nước tư bản chủ nghĩa lớn mạnh nhất. Tuy nhiên, do lo ngại ảnh hưởng của Liên Xô đến vị thế của mình, Mỹ ra sức ngăn chặn ảnh hưởng của Liên Xô và sự phát triển của các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

Em có biết

Tháng 1 –1949, Liên Xô và các nước Đông Âu đã thành lập Hội đồng Tương trợ Kinh tế (SEV) nhằm tạo cơ chế đẩy mạnh hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau giữa các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa. Tháng 4 – 1949, Mỹ cùng các nước Tây Âu thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO). Tháng 5 – 1955, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu thành lập Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va. Sự ra đời của NATO và khối Vác-sa-va đã đánh dấu sự xác lập chính thức của cục diện hai cực, hai phe trong giai đoạn phát triển cao của cuộc Chiến tranh lạnh: phe tư bản chủ nghĩa (Tây Âu) do Mỹ đứng đầu và phe xã hội chủ nghĩa (Đông Âu) dưới sự lãnh đạo của Liên Xô.

Nêu những nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh lạnh.

Đặc điểm

So với cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) và Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945), Chiến tranh lạnh có nhiều khác biệt.

Thứ nhất, Chiến tranh lạnh là cuộc chiến tranh không tiếng súng. Trong đó, Liên Xô và Mỹ luôn trong trạng thái đối đầu nhưng không nổ ra xung đột quân sự trực tiếp. Sự đối đầu giữa Mỹ và Liên Xô đặt thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng thông qua việc phát triển các liên minh quân sự và chạy đua vũ trang quyết liệt giữa hai siêu cường.

Thứ hai, trong thời gian diễn ra Chiến tranh lạnh (1947 – 1989), mặc dù đối đầu giữa Mỹ và Liên Xô từng có lúc đứng trước nguy cơ chiến tranh hạt nhân, nhưng không xảy ra cuộc "chiến tranh nóng" trực tiếp giữa hai cường quốc cũng như hai khối tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, nhiều cuộc chiến tranh cục bộ và xung đột quân sự diễn ra ở nhiều nơi tạo nên tình trạng "nóng" ở nhiều khu vực khác nhau trên thế giới.

Em có biết

Trong thời gian Chiến tranh lạnh, ở châu Á diễn ra các cuộc Chiến tranh Triều Tiên (1950 – 1953), 30 năm chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ ở Việt Nam (1945 – 1975), Chiến tranh Áp-ga-ni-xtan (1979 – 1989),... Ở Trung Đông, diễn ra cuộc xung đột kéo dài giữa I-xra-en và các nước A-rập thể hiện qua các cuộc chiến tranh I-xra-en và các nước A-rập Trung Đông (khởi đầu từ năm 1948), cuộc Chiến tranh I-ran và I-rắc (1980 – 1988).

Trình bày những đặc điểm chính của cuộc Chiến tranh lạnh.

Hậu quả

Thứ nhất, thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng suốt cuộc Chiến tranh lạnh (1947 – 1989) và luôn đối mặt với nguy cơ nổ ra một cuộc chiến tranh hạt nhân giữa hai siêu cường.

Để có thể đánh bại đối thủ, cả Mỹ và Liên Xô đã đầu tư một ngân sách khổng lồ tiến hành chế tạo các loại vũ khí có tính huỷ diệt cao, thể hiện qua cuộc chạy đua vũ trang lôi kéo nhiều nước tham gia thành lập các liên minh quân sự để cân bằng sức mạnh, tiến tới giành ưu thế đánh bại đối phương.

Thứ hai, Chiến tranh lạnh tác động mạnh mẽ và toàn diện đến tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của thế giới.

Khi cuộc Chiến tranh lạnh bắt đầu "nóng", trong cục diện đối đầu của hai siêu cường, các quốc gia trên thế giới buộc phải lựa chọn con đường phát triển của mình dựa trên nền tảng ý thức hệ. Sau khi phong trào Không liên kết thành lập, nhiều quốc gia đã chọn tham gia phong trào, tuy nhiên, thực tế vẫn chịu ảnh hưởng của Mỹ hoặc Liên Xô.

Thứ ba, thế giới đối diện với sự xung đột, chia rẽ ở các khu vực và ở từng quốc gia do sự tác động của Chiến tranh lạnh.

Các cuộc chiến tranh Trung Đông giữa I-xra-en và các nước A-rập kéo dài đã gây tổn thất nặng nề về người và của cho các quốc gia tham chiến; Chiến tranh Triều Tiên (1950 – 1953) đã tạo ra sự chia cắt lâu dài cho bán đảo Triều Tiên; Cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã để lại nhiều hậu quả nặng nề cho nhân dân Việt Nam. Tình hình này cũng diễn ra phổ biến tại các khu vực khác ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh.

▲Hình 2.12. Kí kết Hiệp định đình chiến tại Bàn Môn Điếm ngày 27 – 7 – 1953, tạm ngưng chiến tranh ở Triều Tiên

Chiến tranh lạnh đã để lại những hậu quả gì cho thế giới?

Kết thúc Chiến tranh lạnh: nguyên nhân và tác động

Chiến tranh lạnh kết thúc bởi những nguyên nhân chính dưới đây:

Thứ nhất, Mỹ và Liên Xô phải đầu tư nhiều khoản kinh phí lớn, tốn kém cho cuộc chạy đua vũ trang và cạnh tranh chiến lược ở các khu vực dẫn đến bị suy giảm thực lực về nhiều mặt so với các cường quốc mới nổi khác. Do đó, cả Mỹ và Liên Xô muốn nhanh chóng thoát khỏi sự đối đầu để tập trung phát triển đất nước và củng cố vị thế của mình.

Thứ hai, trong bối cảnh Mỹ và Liên Xô đối mặt với nhiều khó khăn, Nhật Bản và Tây Âu đã vươn lên mạnh mẽ, trở thành đối thủ cạnh tranh gay gắt với Mỹ về mặt kinh tế.

Sự vươn lên của Nhật Bản và các nước Tây Âu đã tạo thành tam giác phát triển, thúc đẩy sự hợp tác và phát triển của các nước tư bản chủ nghĩa sau này, đồng thời, góp phần định hình Trật tự kinh tế thế giới mới. Cuộc khủng hoảng kinh tế – xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã làm giảm sức mạnh và vị thế siêu cường của Liên Xô.

▲Hình 2.13. Cuộc gặp gỡ thượng đỉnh Mỹ – Liên Xô tháng 12 – 1989 tại đảo Man-ta

Thứ ba, trong giai đoạn cuối của cuộc Chiến tranh lạnh, xu thế "hoà dịu" Đông – Tây đã xuất hiện thông qua việc Mỹ và Liên Xô kí kết được những thoả thuận hợp tác giữa hai nước về hạn chế vũ khí hạt nhân chiến lược, đồng thời, thúc đẩy sự hợp tác giữa Mỹ với Liên Xô cũng như giữa Liên Xô với các nước tư bản chủ nghĩa khác.

Thứ tư, những sai lầm trong quá trình tiến hành công cuộc cải tổ của Liên Xô là một trong những nhân tố thúc đẩy Chiến tranh lạnh kết thúc. Nửa sau thập kỉ 80, Liên Xô rơi vào cuộc khủng hoảng lớn và không thể tiếp tục cạnh tranh với Mỹ.

Chiến tranh lạnh kết thúc đã tác động mạnh đến sự vận động của thế giới như sau:

Thứ nhất, Chiến tranh lạnh kết thúc gắn với sự sụp đổ của Trật tự hai cực I-an-ta và hệ thống xã hội chủ nghĩa. Những diễn biến trên đã tạo nên những thay đổi trong tương quan lực lượng có lợi cho Mỹ và các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây.

Thứ hai, Chiến tranh lạnh kết thúc mở ra nhiều cơ hội và những điều kiện giải quyết hoà bình các tranh chấp, xung đột, chia cắt ở nhiều khu vực trên thế giới.

Em có biết

Theo thoả thuận giữa Mỹ và Liên Xô, quân đội Liên Xô rút hết quân ra khỏi Áp-ga-ni-xtan trong năm 1989, tạo điều kiện chấm dứt cuộc nội chiến ở quốc gia này. Tháng 10 – 1991, Hiệp định hoà bình Pa-ri về Cam-pu-chia được kí kết chính thức chấm dứt sự xung đột kéo dài hơn một thập kỉ của Cam-pu-chia. Cũng trong thời gian này, quân đội Cu-ba và Nam Phi cùng chính thức rút khỏi Ăng-gô-la. Đầu thập kỉ 90, tiến trình hoà bình trên bán đảo Triều Tiên có chuyển động với nhiều tín hiệu tích cực; nước Đức thống nhất (1990) tạo cơ sở cho quá trình hội nhập khu vực ở châu Âu.

▲Hình 2.14. Hội nghị hoà bình về Cam-pu-chia tổ chức tại Pa-ri (Pháp)

Thứ ba, Chiến tranh lạnh kết thúc mở ra quá trình hoà bình, hợp tác và phát triển ở các khu vực. Nhân tố kinh tế thay dần cho các nhân tố chính trị, quân sự đóng vai trò quan trọng trong hợp tác và hội nhập giữa các quốc gia. Quá trình khu vực hoá phát triển và trở thành xu hướng chủ đạo trong thập kỉ 90.

Thứ tư, Chiến tranh lạnh kết thúc cũng để lại những tác động tiêu cực: tạo nên những biến động lớn về mặt địa chính trị ở khu vực Đông Âu và nhiều khu vực trên thế giới; sự ra đời của nhiều quốc gia mới tách ra từ Liên Xô, Nam Tư,… dẫn đến những bất ổn trong quan hệ quốc tế; các cuộc xung đột dân tộc, tôn giáo, nội chiến,… diễn ra ở nhiều khu vực trên thế giới.

Đối với Việt Nam, việc kết thúc Chiến tranh lạnh tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai công cuộc đổi mới đất nước trên cơ sở kết hợp "sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại". Đồng thời mở ra cơ hội để Việt Nam tham gia giải quyết vấn đề hoà bình ở Cam-pu-chia, bình thường hoá quan hệ với các nước lớn, gia nhập tổ chức ASEAN, đẩy mạnh quá trình hội nhập khu vực và thế giới.

Trình bày những sự kiện dẫn đến sự kết thúc Chiến tranh lạnh.

b) Chiến tranh, xung đột quân sự sau Chiến tranh lạnh

Các cuộc nội chiến, xung đột quân sự khu vực

Ở châu Âu, xung đột trong nội bộ Nam Tư đã diễn ra liên quan đến xung đột sắc tộc và li khai, phá vỡ Liên bang Nam Tư.

Ở châu Phi, chiến tranh dưới hình thức nội chiến và xung đột sắc tộc nổ ra ở An-giê-ri, Tuy-ni-di, Công-gô, Na-mi-bi-a, Ăng-gô-la, Xô-ma-li, Ru-an-đa, Xu-đăng,…

Ở Trung Đông, nội chiến diễn ra ở Li-băng, Xi-ri, Y-ê-men,... Cuộc "Chiến tranh Vùng Vịnh" (1991) để lại nhiều hậu quả nặng nề và tàn khốc. Cuộc chiến của người Do Thái và người A-rập ở khu vực Trung Đông kéo dài nhiều thập kỉ từ trong và sau Chiến tranh lạnh.

Ở châu Á, giao tranh quân sự giữa Ấn Độ và Pa-ki-xtan nhằm giành quyền kiểm soát vùng Ca-xmia ở khu vực biên giới giữa hai nước trở thành "điểm nóng" kéo dài.

Các cuộc xung đột, li khai xuất phát từ mâu thuẫn sắc tộc và tôn giáo diễn ra ở nhiều nước Đông Nam Á. Việc ra đời Nhà nước Đông Ti-mo xuất phát từ phong trào đấu tranh đòi li khai ở In-đô-nê-xi-a.

▲Hình 2.15. Người dân Đông Ti-mo vui mừng sau cuộc trưng cầu dân ý năm 1999

Nêu nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ các cuộc chiến tranh, xung đột sau Chiến tranh lạnh.

Cuộc tấn công khủng bố ngày 11 – 9 – 2001 và cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ

- ***Cuộc tấn công khủng bố ngày 11 – 9 – 2001***

Ngày 11 – 9 – 2001, lực lượng khủng bố quốc tế đã sử dụng máy bay dân dụng đâm vào toà tháp đôi của Trung tâm Thương mại thế giới ở Niu Oóc và vào Lầu Năm góc – trụ sở của Bộ Quốc phòng Mỹ ở Oa-sinh-tơn gây thiệt hại lớn về người và của, chấn động sâu sắc đối với toàn thể nước Mỹ và cộng đồng quốc tế.

▲Hình 2.16. Chiếc máy bay dân sự do lực lượng khủng bố quốc tế khống chế đâm vào toà tháp đôi của Niu Oóc (Mỹ) ngày 11 – 9 – 2001

Cuộc tấn công khủng bố 11 – 9 xuất phát từ tâm lí chống Mỹ của các lực lượng Hồi giáo cực đoan. Sự can thiệp của Mỹ vào Trung Đông, đặc biệt là sự ủng hộ của Mỹ đối với I-xra-en chống lại Pa-le-xtin và các nước A-rập ở Trung Đông, đã dẫn đến mâu thuẫn sâu sắc giữa Mỹ với thế giới Hồi giáo.

Trình bày nguyên nhân của cuộc tấn công vào nước Mỹ của lực lượng khủng bố quốc tế ngày 11 – 9 – 2001.

• ***Cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ***

Ngay sau sự kiện khủng bố ngày 11 – 9, chính quyền Tổng thống G. Bu-sơ đã xác định kẻ thù của nước Mỹ là chủ nghĩa khủng bố quốc tế và phát động cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu.

▲Hình 2.17. Tượng Tổng thống Xát-đam Hút-xen bị kéo đổ ở thủ đô Bát-đa ngày 9 – 4 – 2003

Tháng 10 – 2001, Mỹ tiến hành chiến dịch quân sự mang tên "Chiến dịch tự do bền vững" tấn công vào Áp-ga-ni-xtan, lật đổ sự cầm quyền của lực lượng Ta-li-ban. Tháng 3 – 2003, Mỹ tấn công vào I-rắc lật đổ chính quyền Xát-đam Hút-xen. Tuy nhiên, cuộc chiến tranh do Mỹ tiến hành ở I-rắc đã gây nên những hậu quả khôn lường đối với các bên tham chiến và tác động mạnh mẽ đến quan hệ quốc tế.

Năm 2018, Mỹ công bố Chiến lược quốc gia chống khủng bố mới, thay đổi cách tiếp cận trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ.

Hơn 20 năm tiến hành cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu, Mỹ tiêu diệt được một số lãnh đạo khủng bố cấp cao, góp phần làm suy yếu và tan rã nhiều tổ chức khủng bố quốc tế. Bên cạnh đó, Mỹ cũng đã lật đổ được nhiều chế độ độc tài ở khu vực Trung Đông thông qua triển khai cuộc chiến chống khủng bố.

Xu thế chống Mỹ và phương Tây của các thế lực Hồi giáo cực đoan làm cho tình trạng bạo lực diễn ra phổ biến ở châu Á, khiến số người thiệt mạng vì khủng bố vẫn gia tăng hằng năm.

Trình bày kết quả của cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ sau sự kiện khủng bố ngày 11 – 9 – 2001.

c) Đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới

Đấu tranh chống chạy đua vũ trang, vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh

Cuối thập niên 1940, phong trào nhân dân các nước chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân phát triển rộng rãi, đỉnh cao là Đại hội nhân dân thế giới bảo vệ hoà bình họp song song tại Pa-ri và Pra-ha năm 1949. Ngày 26 – 4 – 1949, Đại hội Hoà bình thế giới tổ chức tại Pa-ri chọn bức tranh *Chim bồ câu ngậm cành ô liu* của danh hoạ P. Pi-cát-xô làm biểu tượng của hoà bình thế giới; Đại hội đề ra khẩu hiệu bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh, chống chạy đua vũ trang.

Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cử đoàn 11 đại biểu tham dự Đại hội (tháng 4 – 1949) và trở thành thành viên sáng lập Hội đồng Hoà bình thế giới.

Năm 1950, Hội đồng Hoà bình thế giới chính thức ra đời và đi vào hoạt động. Hội đồng ra nhiều lời kêu gọi khẩn thiết bảo vệ hoà bình, đặc biệt là lời kêu gọi hoà bình Xtốc-khôm đòi cấm vũ khí nguyên tử (tháng 3 – 1950 và tháng 6 – 1975), lời kêu gọi 5 cường quốc kí công ước hoà bình (tháng 2 – 1955), được sự hưởng ứng nhiệt liệt của hàng trăm triệu người không phân biệt giới tính, màu da, sắc tộc, chính kiến, tín ngưỡng. Hội đồng cũng phối hợp với nhiều tổ chức, đoàn thể: Liên đoàn Công đoàn thế giới (WFTU); Tổ chức Đoàn kết nhân dân Á – Phi (AAPASO); Tổ chức Đoàn kết nhân dân Á – Phi – Mỹ La-tinh (OSPAAAL),… thực hiện các phong trào chống chiến tranh, chống chạy đua vũ trang, giữ gìn hoà bình cho thế giới.

▲Hình 2.18. Tem kỉ niệm 10 năm phong trào Hoà bình thế giới do Tiệp Khắc phát hành ngày 17 – 4 – 1959

Trình bày những đóng góp của phong trào Hoà bình thế giới trong thời kì Chiến tranh lạnh.

Phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam

Đại hội đồng Liên hợp quốc đã ra Tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân (năm 1960), kêu gọi trao trả độc lập cho các quốc gia và dân tộc thuộc địa, tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn các hình thức chế độ phân biệt chủng tộc (năm 1963), ủng hộ cuộc đấu tranh giành quyền tự do bình đẳng và quyền con người, đấu tranh xoá bỏ chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi,…

Trong giai đoạn 1954 – 1975, Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa cũng như các nước tư bản tiến bộ luôn đồng tình ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Từ năm 1959, nhân dân thế giới đã lấy ngày 20 – 7 (ngày kỉ niệm kí Hiệp định Giơ-ne-vơ), làm "Ngày ủng hộ nhân dân Việt Nam đấu tranh đòi thống nhất Tổ quốc"; năm 1964, một "Hội nghị quốc tế đoàn kết với nhân dân miền Nam Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược" diễn ra tại Hà Nội.

Hội đồng Hoà bình thế giới, Uỷ ban Đoàn kết nhân dân Á – Phi, các tổ chức phụ nữ, thanh niên, sinh viên, công đoàn quốc tế,… cũng tổ chức các hoạt động, vận động ủng hộ và đoàn kết với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam. Hơn 200 tổ chức chống chiến tranh trên khắp các bang ở Mỹ ủng hộ và đoàn kết với Việt Nam chống chiến tranh.

▲Hình 2.19. Công nhân thủ đô La Ha-ba-na (Cu-ba) mít-tinh ủng hộ nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Mỹ trong tháng 11 – 1966)

Phong trào ủng hộ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra như thế nào?

Đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới sau Chiến tranh lạnh

Sau Chiến tranh lạnh, Hội đồng Hoà bình thế giới tiếp tục nhiệm vụ kêu gọi nhân dân thế giới đoàn kết chống chiến tranh xâm lược, đòi giải quyết các cuộc tranh chấp quốc tế bằng thương lượng hoà bình, đòi giải trừ quân bị, chống chính sách cường quyền xây dựng quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc vì hoà bình, hợp tác và phát triển.

Kì họp Đại hội đồng Liên hợp quốc khoá 52 (1992) đã thông qua Nghị quyết về "Văn hoá hoà bình", ra tuyên bố và chương trình hành động về văn hoá hoà bình, nhấn mạnh cần xúc tiến văn hoá hoà bình thông qua giáo dục.

▲Hình 2.20. Các bác sĩ quân y Việt Nam thực hiện nhiệm vụ gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc tại Nam Xu-đăng năm 2018

Bước vào thế kỉ XXI, nhân loại đứng trước những diễn biến khó lường nhưng hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là một trong những xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế. Các vấn đề toàn cầu cấp bách, các vấn đề an ninh phi truyền thống đe doạ trực tiếp đến hoà bình, an ninh các dân tộc, quốc gia. Phong trào đấu tranh của nhân dân vì hoà bình, tiến bộ, bình đẳng xã hội vẫn tiếp tục duy trì phát triển mạnh mẽ.

? *Trình bày xu hướng hoà bình, hợp tác và phát triển trên thế giới sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc.*

Lắng nghe lịch sử

Ngày Quốc tế Hoà bình được Liên hợp quốc tổ chức lần đầu tiên vào ngày 21 – 9 – 1982 và từ năm 2002, được lấy làm ngày kỉ niệm hằng năm nhằm kêu gọi các bên tham chiến trên toàn thế giới cùng từ bỏ vũ khí, bước vào thương lượng, đàm phán trong hoà bình; kêu gọi người dân trên toàn thế giới chung tay xây dựng thế giới hoà bình, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau. Tại lễ thỉnh chuông hoà bình năm 2020, Tổng Thư kí Liên hợp quốc đã cảnh báo về đại dịch đang làm gia tăng nguy cơ đối với hoà bình ở khắp mọi nơi, đồng thời, kêu gọi một lệnh ngừng bắn ngay lập tức trên toàn thế giới để tập trung ứng phó với dịch bệnh. Hoà bình luôn là khát vọng và là điểm tựa vững bền để nhân loại vượt qua khổ đau và vươn xa.

Hình 2.21. Bức vẽ *Chim bồ câu ngậm cành ô liu* – biểu tượng của hoà bình của danh hoạ P. Pi-cát-xô ▶

LUYỆN TẬP

1. Hai cuộc chiến tranh thế giới diễn ra nửa đầu thế kỉ XX đã có những tác động gì tới tình hình thế giới?
2. Em có nhận xét gì về tình trạng chiến tranh và xung đột trên thế giới hai thời kì trong và sau Chiến tranh lạnh?

VẬN DỤNG

Sưu tầm tư liệu về sự ủng hộ của nhân dân thế giới đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam.

CHUYÊN ĐỀ 3

DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

Học xong chuyên đề này, em sẽ:

– Giải thích được khái niệm danh nhân. Nêu được nét chính về vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc.

– Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ – trung đại. Nêu được nhận xét về những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ – trung đại. Có ý thức trân trọng những đóng góp của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử dân tộc.

– Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam. Đánh giá được vai trò của danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam. Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân quân sự trong lịch sử dân tộc.

– Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về một số danh nhân văn hoá trong lịch sử Việt Nam. Nêu được nhận xét về những đóng góp chính của danh nhân văn hoá trong lịch sử Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể. Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân văn hoá trong lịch sử dân tộc.

– Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo. Nêu được nhận xét về đóng góp chính của danh nhân trong lĩnh vực khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo thông qua ví dụ cụ thể. Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo trong lịch sử dân tộc.

Năm 1484, vâng mệnh vua Lê Thánh Tông soạn bài kí cho tấm bia Văn Miếu, tại Quốc Tử Giám, Đông các Đại học sĩ Thân Nhân Trung đã viết: "Hiền tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí thịnh thì đất nước mạnh mà hưng thịnh, nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp hèn. Vì thế, các bậc đế vương thánh minh không đời nào không coi việc giáo dục nhân tài, chọn kẻ sĩ làm công việc cần thiết" (Văn bia ghi danh tiến sĩ tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội). Lịch sử dựng nước và giữ nước, xây dựng và phát triển đất nước mấy nghìn năm của dân tộc đã sản sinh ra không biết bao nhiêu danh nhân. Họ chính là những hiền tài góp sức mình vào công cuộc độc lập và phục hưng quốc gia dân tộc. Chuyên đề này sẽ giúp em tìm hiểu các danh nhân, hiểu và trân trọng những đóng góp của họ đối với lịch sử dân tộc Việt Nam.

1. Khái quát về danh nhân trong lịch sử dân tộc

a) Khái niệm danh nhân

Danh nhân là người nổi tiếng, có công trạng với dân tộc và có ảnh hưởng đến xã hội. Đó là những cá nhân kiệt xuất trong các lĩnh vực hoạt động chính trị, văn hoá, khoa học, nghệ thuật,… được ghi nhớ công ơn và noi theo.

Em có biết

Nhà nước suy tôn và tổ chức lưu niệm, tưởng niệm danh nhân bằng các hình thức: xếp hạng di tích lịch sử văn hoá; xây dựng nhà lưu niệm, tưởng niệm, bia lưu niệm, tượng đài danh nhân nơi công cộng; giới thiệu sự nghiệp của danh nhân trong bảo tàng; đặt tên danh nhân cho đường, phố, công trình công cộng, các giải thưởng và các quỹ xã hội; tổ chức kỉ niệm danh nhân; các hình thức khác về lưu niệm, tưởng niệm danh nhân.

(Hồ sơ lưu trữ Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Cục Di sản văn hoá, Hội đồng Di sản văn hoá quốc gia)

Các danh nhân được lịch sử dân tộc biết đến, ghi nhận và đánh giá cao trong những lĩnh vực cụ thể về chính trị, quân sự, văn hoá, khoa học, giáo dục (như Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Du, Võ Nguyên Giáp,…), có người được đánh giá đặc biệt thuộc nhiều lĩnh vực như Chủ tịch Hồ Chí Minh.

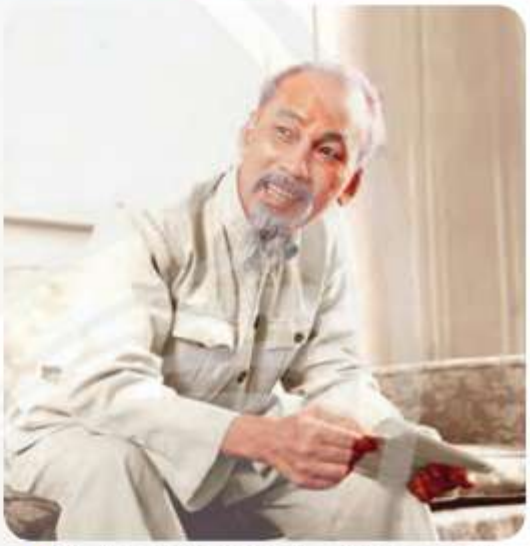

▲Hình 3.1. Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá kiệt xuất

1. Giải thích khái niệm danh nhân.

2. Quan sát Hình 3.1 và nêu một số công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với đất nước mà em đã biết.

b) Vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc

Bằng tài năng trên các lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội, các danh nhân để lại những dấu ấn sâu sắc trong tiến trình lịch sử của dân tộc, góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội và văn hoá của dân tộc.

Danh nhân là nhà chính trị đề ra các quyết sách để phát triển quốc gia dân tộc; danh nhân là nhà văn hoá sáng tạo nghệ thuật; danh nhân là nhà quân sự có tài thao lược, chỉ huy nhiều trận đánh chống ngoại xâm, lập chiến công hiển hách; danh nhân là nhà khoa học có những phát minh sáng chế mới, thúc đẩy khoa học, kĩ thuật phát triển.

Danh nhân có vai trò quan trọng như thế nào đối với lịch sử dân tộc?

2. Một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ – trung đại

a) Đinh Bộ Lĩnh

Đinh Bộ Lĩnh (924 – 979) quê ở làng Đại Hữu, châu Đại Hoàng (nay là thôn Văn Bòng, xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình).

Năm 944, đất nước rơi vào cục diện "thập nhị sứ quân", Đinh Bộ Lĩnh được nhân dân ủng hộ, đứng lên dẹp hoạ cát cứ. Bằng các biện pháp chính trị mềm dẻo, kết hợp với biện pháp quân sự cứng rắn, Đinh Bộ Lĩnh đã lần lượt chinh phục các sứ quân, thống nhất đất nước.

▲Hình 3.2. Tượng vua Đinh Tiên Hoàng ở Hoa Lư (Ninh Bình)

Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi vua, xưng là Đại Thắng Minh Hoàng Đế, đặt niên hiệu là Thái Bình, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, định đô ở Hoa Lư, xây dựng triều chính và quản lí đất nước. Với nhãn quan chính trị sắc bén, Đinh Tiên Hoàng định hình thể chế trung ương tập quyền, kết hợp giữa đức trị với pháp trị trong xây dựng, củng cố vương quyền, trọng dụng Phật giáo để cố kết trăm họ; chăm lo phát triển kinh tế nông nghiệp, thống nhất đơn vị đo lường, đúc tiền Thái Bình hưng bảo; đặt quan hệ với nhà Tống, mở ra thời kì đấu tranh ngoại giao "mềm dẻo, cương quyết", đề cao nền độc lập, tự chủ lâu dài của đất nước.

Em có biết

Lê Văn Hưu nói: "Tiên Hoàng nhờ có tài năng sáng suốt hơn người, dũng cảm mưu lược nhất đời, đương lúc nước Việt ta không có chủ, các hùng trưởng cát cứ, một phen cất quân mà mười hai sứ quân phục hết. Vua mở nước dựng đô, đổi xưng hoàng đế, đặt trăm quan, lập sáu quân, chế độ đầy đủ, có lẽ ý trời vì nước Việt ta mà sinh lại bậc thánh triết để tiếp nối quốc thống của Triệu Vương chăng?".

(Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, trang 211)

b) Trần Thủ Độ

Trần Thủ Độ (1194 – 1264), quê ở làng Lưu Xá, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Ông là một trong những "công thần khai quốc "sáng lập triều Trần, ông được vua Trần Thái Tông phong là Quốc Thượng phụ, giữ chức Thái sư đầu tiên dưới thời Trần. Trần Thủ Độ là người có đóng góp lớn trong việc củng cố triều chính, sắp đặt nội trị, làm cho thế nước dần trở nên cường thịnh.

▲Hình 3.3. Tượng đồng Trần Thủ Độ

Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ (1258), Trần Thủ Độ là chỗ dựa tinh thần của vua tôi nhà Trần, cùng Trần Thái Tông tổ chức cuộc phản công quân xâm lược Mông Cổ trong trận Đông Bộ Đầu (cuối tháng 1 –1258), kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến. Đại Việt sử ký toàn thư còn ghi câu nói khẳng khái của ông với vua Trần Thái Tông "Đầu thần chưa rơi xuống đất, bệ hạ đừng lo".

c) Lê Thánh Tông

Lê Thánh Tông (1442 – 1497) là con trai thứ 4 của vua Lê Thái Tông, người có tư chất thông minh, chăm chỉ học tập, dáng dấp đoan chính. Ở ngôi 37 năm (1460 – 1497), vua Lê Thánh Tông đã làm cho "Những chính sự phiền nhiễu đều bãi hết, những hình pháp bạo ngược đều bỏ cả. Vì thế, mới sửa chữa luân thường cho mọi người, chỉnh đốn được giường mối của nhà vua".

Nhà vua tiến hành kiện toàn thể chế quân chủ chuyên chế quan liêu dựa trên tư tưởng Nho giáo; chú trọng tuyển chọn nhân tài phục vụ chế độ; chăm lo sửa sang việc nước, cải cách hành chính; ban hành luật pháp để quản lí đất nước.

▲Hình 3.4. Tượng đồng vua Lê Thánh Tông

Em có biết

Sử gia Vũ Quỳnh viết: "Vua tư trời cao siêu, anh minh, quyết đoán, có hùng tài, đại lược, võ giỏi văn hay mà cái học của thánh hiền lại đặc biệt siêng năng, tay không lúc nào rời quyển sách. Các tập kinh, sử, các sách lịch, toán, những việc thánh thần, không có gì không bao quát, tinh thông.... Người hiền tài chọn được nhiều hơn cả đời xưa. Văn võ đều dùng, tuỳ theo sở trường của từng người. Vì thế có thể sửa dựng chính sự, chế tác lễ nhạc, hiệu lệnh văn chương rõ ràng, có thể cho người sau noi theo."

(Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, trang 519)

Vua Lê Thánh Tông luôn thể hiện mạnh mẽ ý thức về một quốc gia độc lập, hùng cường, chú trọng quản lí, bảo vệ cương vực lãnh thổ quốc gia.

Dưới thời trị vì của nhà vua, kinh tế Đại Việt phát triển thịnh vượng, nhất là kinh tế nông nghiệp. Các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế đều được quan tâm phát triển, thể hiện rõ tư tưởng thân dân và đề cao văn hoá dân tộc; lãnh thổ được mở rộng về phía nam.

Hoàn thành bảng thống kê về các danh nhân chính trị với các nội dung theo mẫu dưới đây:

Danh nhân chính trị	Triều đại	Công lao
?	?	?
?	?	?
?	?	?

3. Một số danh nhân quân sự Việt Nam

a) Trần Quốc Tuấn

Trần Quốc Tuấn (1228 – 1300) sinh tại thôn Tức Mặc, xã Mỹ Lộc, Thiên Trường (nay là Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định).

Trong kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ lần thứ nhất, ông trực tiếp cầm quân lên phòng thủ biên giới trước thời điểm quân Mông Cổ kéo vào xâm lược Đại Việt (tháng 12 – 1257). Trong kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên lần thứ hai (1285) và lần thứ ba (1287 – 1288), với vai trò Quốc công tiết chế, ông "dụng binh biết đợi thời, biết thừa thế tiến thoái" điều binh khiển tướng trên tất cả các mặt trận phối hợp nhịp nhàng, tiến thoái hợp lí, mưu lược tính toán thời cơ và biết chớp thời cơ để kết thúc chiến tranh đúng thời điểm; trong đó, ông trực tiếp chỉ huy trận chiến trên sông Bạch Đằng (Hải Phòng), chôn vùi âm mưu xâm lược Đại Việt của đế chế Nguyên vào tháng 4 – 1288.

Trần Quốc Tuấn là người tài thao lược, tinh thông binh pháp, ông soạn *Vạn Kiếp tông bí truyền thư, Binh thư yếu lược* huấn luyện tướng sĩ, ra *Hịch tướng sĩ* cổ vũ tinh thần xả thân cứu nước của quân dân Đại Việt. Ông chủ trương "khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy".

▲Hình 3.5. Tượng Quốc công tiết chế Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn trên đảo Song Tử Tây (huyện Trường Sa, Khánh Hoà)

Em có biết

Sách Đại Việt sử ký toàn thư chép về ông rằng: "Tiếng vang đến giặc phương Bắc, chúng thường gọi ông là An Nam Hưng Đạo Vương mà không dám gọi tên".

(Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd 1998, trang 81)

b) Nguyễn Huệ

Nguyễn Huệ (1753 – 1792) còn gọi là Nguyễn Quang Bình, Hồ Thơm, sinh tại thôn Kiên Mỹ, Kiên Thành, Hoài Nhơn (nay là xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định).

Năm 1771, Nguyễn Huệ cùng hai người anh em là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ dựng cờ khởi nghĩa ở ấp Tây Sơn, được đông đảo nông dân, thương nhân, đồng bào các dân tộc ở vùng rừng núi bắc Tây Nguyên hưởng ứng. Từ cuộc khởi nghĩa nông dân, phát triển thành phong trào dân tộc với những cống hiến to lớn: tiêu diệt các tập đoàn phong kiến Trịnh, Nguyễn; đặt nền tảng quan trọng cho công cuộc thống nhất đất nước cuối thế kỉ XVIII.

▲Hình 3.6. Di tích Gò Đống Đa (Hà Nội) – một trong các bãi chiến trường của Nguyễn Huệ – Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789

Trong kháng chiến chống quân xâm lược Xiêm (năm 1785) và Thanh (năm 1789), Nguyễn Huệ – Quang Trung tổ chức quân đội và sử dụng nghệ thuật quân sự tiến nhanh đánh mạnh, tạo thế bất ngờ, đánh đòn quyết định, phối hợp chặt chẽ chiến thuật nghi binh, kết hợp bao vây, cô lập và chia cắt đội hình địch với sử dụng mũi nhọn xuyên thẳng vào điểm hiểm yếu của địch, tốc chiến tốc thắng.

Em có biết

"Nguyễn Huệ là kẻ phi thường
Mấy lần đánh đuổi giặc Xiêm, giặc Tàu.
Ông đã chí cả mưu cao,
Dân ta lại biết cùng nhau một lòng.
Cho nên Tàu dẫu làm hung,
Dân ta vẫn giữ non sông nước nhà".

(Hồ Chí Minh, *Lịch sử nước ta*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, trang 18)

c) Võ Nguyên Giáp

Võ Nguyên Giáp (1911 – 2013) sinh tại làng An Xá, tổng Đại Phong Lộc (nay là xã Lộc Thuỷ, huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình).

Sự nghiệp quân sự của Võ Nguyên Giáp gắn liền với sự ra đời đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân (ngày 22 – 12 – 1944).

Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp chỉ huy nhiều chiến dịch quân sự trong kháng chiến chống thực dân Pháp, toàn quyền chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), đánh bại đội quân nhà nghề được trang bị hiện đại của thực dân Pháp. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ông có nhiều quyết định chiến lược về chiến tranh nhân dân để giải phóng miền Nam.

Từ thực tiễn phong phú, tầm hiểu biết sâu rộng cả về chính trị, quân sự, ông đã đúc kết thành những tác phẩm lí luận về xây dựng lực lượng vũ trang, chiến tranh nhân dân, nghệ thuật quân sự Việt Nam như: *Đội quân giải phóng, Từ nhân dân mà ra, Điện Biên Phủ – điểm hẹn lịch sử, Mấy vấn đề đường lối quân sự của Đảng, Chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc,…*

▲Hình 3.7.
Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Em có biết

Tài thao lược của tướng Giáp về chiến lược, chiến thuật và hậu cần được kết hợp nhuần nhuyễn với chính trị và ngoại giao... Sức mạnh hơn hẳn về kinh tế, tính ưu việt về công nghệ cùng với sức mạnh áp đảo về quân sự và hoả lực khổng lồ của các quốc gia phương Tây đã phải khuất phục trước tài thao lược của một vị tướng từng một thời là thầy giáo dạy sử.

(*Bách khoa toàn thư quân sự Bộ Quốc phòng Mỹ*, NXB Bát-si Oa-sinh-tơn Niu Oóc, 1993)

Hoàn thành bảng thống kê về các danh nhân quân sự với các nội dung theo mẫu dưới đây:

Danh nhân quân sự	Thời kì	Công lao	Trận đánh nổi tiếng
?	?	?	?
?	?	?	?
?	?	?	?

4. Một số danh nhân văn hoá Việt Nam

a) Trần Nhân Tông

Trần Nhân Tông (1258 – 1308) tên thật là Trần Khâm.

Trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên (1285 và 1287 – 1288), vua Trần Nhân Tông là ngọn cờ đoàn kết toàn dân, triệu tập Hội nghị Bình Than và Hội nghị Diên Hồng, lãnh đạo nhân dân Đại Việt vượt qua muôn vàn khó khăn, đưa các cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

Trần Nhân Tông sáng lập phái Thiền Trúc Lâm Yên Tử, đồng thời, ông là một triết gia lớn của Phật học Đại Việt, giúp Phật giáo phát triển, thể hiện trí tuệ, bản lĩnh và tinh thần nhập thế Việt Nam. Ông cũng là một thi sĩ có tâm hồn thanh cao, phóng khoáng, cái nhìn tinh tế, tao nhã; từng viết câu thơ có tính tổng luận lịch sử hai cuộc kháng chiến:

"Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã
Sơn hà thiên cổ điện kim âu
(Xã tắc hai phen chồn ngựa đá
Non sông nghìn thuở vững âu vàng)".

(Trần Nhân Tông, *Tức sự*, trong tập *Thơ văn Lý Trần*, tập II, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1988)

Em có biết

Tính vua nhân từ, có trí lược, thương dân, ơn huệ cố kết lòng dân. Đời vua, quân Nguyên hai lần xâm phạm. Vua chọn tướng, rèn quân rồi bình được giặc lớn. Cái công trùng hưng rực rỡ hơn trước. Sau khi nhường ngôi, vua lưu tâm kinh điển nhà Phật, xây am Thiên Kiến, đúc đỉnh Phổ Minh, thờ Phật rất chăm. Về sau đi tu ở núi Yên Tử rồi mất ở am Ngoạ Vân.

(Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005)

▲Hình 3.8. Tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông trên núi Yên Tử (Quảng Ninh)

b) Nguyễn Trãi

Nguyễn Trãi (1380 – 1442) hiệu là Ức Trai, người làng Nhị Khê (nay là xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội), đỗ Thái học sinh năm 1400, làm Ngự sử đài Chính chưởng.

Trong khởi nghĩa chống Minh (1418 – 1427), ông cùng với Lê Lợi là linh hồn của nghĩa quân Lam Sơn. Ông là người đã góp phần hoạch định kế sách chống Minh qua tác phẩm *Bình Ngô sách*. Tư tưởng ngoại giao "Tâm công" là đóng góp lớn của ông, đưa đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa.

Nguyễn Trãi là tác giả của nhiều tác phẩm lớn: *Bình Ngô Đại cáo, Dư địa chí, Lam Sơn thực lục, Quân trung từ mệnh tập,…*

▲Hình 3.9. Tượng Nguyễn Trãi ở Nhị Khê (Hà Nội)

Nguyễn Trãi đề cao tư tưởng "nhân nghĩa" trong khởi nghĩa Lam Sơn cũng như trong công cuộc xây dựng vương triều. Theo ông, "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân", "Lật thuyền mới biết sức dân như sức nước". Năm 1980, ông được UNESCO ghi danh là Danh nhân văn hoá thế giới nhân dịp kỉ niệm 600 năm ngày sinh của ông.

Em có biết

"Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc, văn võ song toàn. Văn là chính trị: Chính trị cứu nước, cứu dân, nội trị ngoại giao, mở nền thái bình muôn thuở, rửa nỗi thẹn nghìn thu. Võ là quân sự: Chiến lược và chiến thuật, yếu đánh mạnh ít địch nhiều… thắng hung tàn bằng đại nghĩa. Văn và võ đều là võ khí, mạnh như vũ bão, sắc như gươm dao".

Phạm Văn Đồng

c) Nguyễn Du

Nguyễn Du (1766 – 1820), tự là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, sinh tại kinh thành Thăng Long, quê gốc Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

Là người có học vấn uyên bác, ông từng được thăng Đông các điện Đại học sĩ (1805), Cần chánh điện Đại học sĩ (1813), từng đi sứ và làm quan trong bộ Lễ.

Sự nghiệp của Nguyễn Du gắn liền với những tác phẩm sáng tác bằng chữ Hán và chữ Nôm. Tác phẩm *Truyện Kiều* gồm 3 254 câu viết theo thể thơ lục bát, là một kiệt tác văn chương có giá trị cả về nghệ thuật thơ ca và nội dung nhân đạo.

Hình 3.10. Bìa cuốn *Truyện Kiều* in đính kèm trong Hồ sơ khoa học đề nghị UNESCO ghi danh Nguyễn Du là Danh nhân văn hoá thế giới▶

Nguyễn Du được vinh danh là "Đại thi hào dân tộc"; được UNESCO ghi danh là Danh nhân văn hoá thế giới (2013). Tác phẩm *Truyện Kiều* đã trở thành tài sản văn học chung của thế giới, được dịch ra nhiều thứ tiếng khác nhau.

d) Hồ Xuân Hương

Hồ Xuân Hương (1772 – 1822) nguyên danh là Hồ Phi Mai, bút hiệu là Cổ Nguyệt Đường; sinh ra tại Hà Nội, quê gốc ở Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An.

Hồ Xuân Hương thông cảm với nỗi khổ của người phụ nữ, phê phán, đả kích sâu cay loại đạo đức giả bằng nghệ thuật thơ trào phúng độc đáo. Tác phẩm của nữ sĩ Hồ Xuân Hương được tập trung trong *Xuân Hương thi tập* (chủ yếu là 24 bài thơ chữ Hán và 28 bài thơ chữ Nôm); những sáng tác của bà hiện lên thực trạng xã hội và tiêu biểu cho tư tưởng nhân đạo trong trào lưu văn học cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX, đóng góp lớn vào kho tàng văn học dân tộc Việt Nam.

Hồ Xuân Hương được mệnh danh là "Bà chúa thơ Nôm", năm 2021, được UNESCO ghi danh là Danh nhân văn hoá thế giới.

▲Hình 3.11. Tượng nữ sĩ Hồ Xuân Hương ở Quỳnh Lưu (Nghệ An)

e) Nguyễn Đình Chiểu

Nguyễn Đình Chiểu (1822 – 1888), còn gọi Đồ Chiểu, sinh tại làng Tân Thới, phủ Tân Bình, huyện Bình Dương, Gia Định (nay thuộc Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Là một nhà nho sống theo đạo nghĩa, tuy bị mù loà trong lúc đất nước chống ngoại xâm, Nguyễn Đình Chiểu giữ phẩm cách thanh cao, không chỉ làm người thầy giáo và thầy thuốc mẫu mực mà còn là một nhà thơ yêu nước với nhiều tác phẩm có giá trị để "chở đạo, sửa đời và dạy người", như: *Lục Vân Tiên, Ngư Tiều y thuật vấn đáp, Dương Từ – Hà Mậu, Chạy Tây, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc,…*

Em có biết

"Nguyễn Đình Chiểu là một nhà văn hoá, nhà thơ lớn của dân tộc Việt Nam; tấm gương vượt qua nghịch cảnh và theo đuổi lí tưởng học tập suốt đời. Ngoài sáng tác thơ văn, ông còn là một nhà giáo được người đời quý mến về tài năng, đức độ… Điều đáng khâm phục nữa là khi bị mù, Nguyễn Đình Chiểu mới học làm thuốc và trở thành một thầy thuốc giỏi, một lương y tinh thông về y lí phương Đông và y lí Việt Nam. Có thể nói, trên thế giới hiếm có danh nhân nào đạt trên cả 3 lĩnh vực đồ sộ như Nguyễn Đình Chiểu: thơ văn, thầy giáo, thầy thuốc".

(Đại hội đồng UNESCO ra Nghị quyết số 41C/15 về việc cùng kỉ niệm lần thứ 200 ngày sinh nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu)

▲Hình 3.12. Nguyễn Đình Chiểu – Hình vẽ trong đền thờ ông ở Ba Tri (Bến Tre)

Hoàn thành bảng thống kê về các danh nhân văn hoá với các nội dung theo mẫu dưới đây:

Danh nhân văn hoá	Thời kì	Công lao
?	?	?
?	?	?
?	?	?

5. Một số danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo

a) Chu Văn An

Chu Văn An (1292 – 1370), tự là Linh Triệt, người làng Văn Thôn, Quang Liệt, huyện Thanh Đàm (nay là xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội); đỗ Thái học sinh nhưng không ra làm quan, mở trường dạy học.

Vua Trần Minh Tông mời ra Thăng Long làm Tư nghiệp ở Quốc Tử Giám dạy học cho thái tử, Chu Văn An viết tài liệu học tập *Tứ thư thuyết ước, Luận ngữ, Mạnh Tử, Đại học, Trung dung,…* được coi là "ông tổ của các nhà nho nước Việt" (*Đại Việt sử ký toàn thư*), nêu cao triết lí giáo dục nhân văn; đào tạo nhiều người giỏi.

Nhân dân tôn là "vạn thế sư biểu" (người thầy của mọi thời đại), Chu Văn An dành cả cuộc đời cho sự nghiệp dạy học, thực hiện giáo dục không phân biệt giàu nghèo, học đi đôi với thực hành, học suốt đời để biết, để làm việc và cống hiến cho xã hội.

Là người liêm chính, không màng danh lợi, từng dâng sớ xin chém 7 tên nịnh thần lũng đoạn trong triều. Sau đó, Chu Văn An cáo quan về quê dạy học, trồng cây thuốc cứu giúp người dân.

Hình 3.13. Tượng thờ thầy giáo Chu Văn An tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)

Em có biết

Ông ở nhà đọc sách, học vấn tinh thông, nổi tiếng gần xa, học trò đầy cửa, thường có kẻ đỗ đại khoa, vào chính phủ. Như Phạm Sư Mạnh, Lê Quát đã làm hành khiển mà vẫn giữ lễ học trò, khi đến thăm thầy thì lạy ở dưới giường, được nói chuyện với thầy vài câu rồi đi xa thì lấy làm mừng lắm. Kẻ nào xấu thì ông nghiêm khắc trách mắng, thậm chí la hét không cho vào. Ông là người trong sạch, thẳng thắn, nghiêm nghị, lẫm liệt đáng sợ đến như vậy đấy".

(Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, trang 152)

b) Lê Quý Đôn

Lê Quý Đôn (1726 – 1784), tên thuở nhỏ là Lê Danh Phương, hiệu là Quế Đường, người làng Diên Hà, huyện Diên Hà (nay là thôn Đồng Phú, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà), tỉnh Thái Bình; là người ham học, thông minh, có trí nhớ tốt, được người đương thời coi là "thần đồng".

Lê Quý Đôn từng làm quan trong chính quyền Lê – Trịnh tới Thượng thư bộ Công, từng được cử đi sứ sang nhà Thanh.

Lê Quý Đôn được coi là nhà bác học thế kỉ XVIII, ông có khoảng 40 công trình trên các lĩnh vực Sử học (*Đại Việt thông sử, Phủ biên tạp lục, Kiến văn tiểu lục, Bắc sử thông lục*); Triết học (*Thi kinh diễn nghĩa, Dịch Kinh phu thuyết, Xuân thu lược luận, Quần thư khảo biện*); Văn học (*Hoàng Việt văn hải, Quế Đường thi văn tập*); Khoa học (*Vân Đài loại ngữ*),...

▲Hình 3.14. Tượng Lê Quý Đôn tại Thái Bình

Em có biết

Phan Huy Chú nhận xét về Lê Quý Đôn: "Ông có tư chất khác đời, thông minh hơn người mà (vẫn) giữ tính nết thuần hậu, lại chăm học không biết mỏi. Tuy đỗ đạt vinh hiển, tay vẫn không rời quyển sách. Bình sinh (ông) làm sách rất nhiều. Bàn về kinh sử thì sâu sắc, rộng rãi, mà nói về điển cố thì đầy đủ rõ ràng. Cái sở trường của ông vượt hơn cả, nổi tiếng trên đời. Ông là người học vấn rộng khắp, đặt bút thành văn. Cốt cách thơ trong sáng. Lời văn hồn nhiên... không cần suy nghĩ mà trôi chảy dồi dào như sông dài biển cả, không chỗ nào không đạt tới, thật là phong cách đại gia".

(*Lịch triều hiến chương loại chí*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005)

c) Tuệ Tĩnh

Tuệ Tĩnh (1330 – 1400), tên thật là Nguyễn Bá Tĩnh, tự Linh Đàm; người làng hương Xưa, tổng Văn Thái, huyện Cẩm Giàng (nay là thôn Nghĩa Phú, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương); mồ côi cả cha lẫn mẹ từ năm 6 tuổi nên được sư cụ chùa Hải Triều nuôi cho ăn học. Ông học giỏi, siêng năng; năm 22 tuổi đỗ trong kì thi Hội nhưng không làm quan mà về quê làm thuốc, chữa bệnh.

Ông thường đi lại khám chữa bệnh ở các chùa, vận động mọi người trồng cây thuốc nam với phương châm "Thuốc Nam Việt chữa người Nam Việt". Ngoài ra, ông còn dạy các nhà sư cách chữa bệnh thông thường; thu thập nhiều kinh nghiệm trong dân gian và ghi lại thành sách như *Nam dược thần hiệu, Nam dược quốc ngữ phú*,... Nhân dân tôn xưng ông là vị Thánh thuốc nam.

▲Hình 3.15. Tượng Danh y Thiền sư Tuệ Tĩnh ở Hải Dương

Hoàn thành bảng thống kê về các danh nhân khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo với các nội dung theo mẫu dưới đây:

Danh nhân khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo	Thời kì	Công lao
?	?	?
?	?	?
?	?	?

Lắng nghe lịch sử

Hồ Chí Minh đã chỉ dẫn: "Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó". Các danh nhân văn hoá đều đề cao cái tâm, cái đạo đức trong sự so sánh với cái tài. Phải có một thực tâm đối với dân, với nước, một định hướng thường trực trong mỗi hành động, việc làm trong suốt cuộc đời.

LUYỆN TẬP

Em có nhận xét gì về đóng góp của các danh nhân trong từng lĩnh vực chủ yếu trên đây của lịch sử Việt Nam?

VẬN DỤNG

1. Sưu tầm những giai thoại về danh nhân mà em yêu thích trong lịch sử Việt Nam.

2. Từ nội dung trong bài đã học, hãy viết suy nghĩ của em về những điều em học hỏi được từ tấm gương của các danh nhân trong lịch sử Việt Nam.

BẢNG THUẬT NGỮ

A	Trang
An ninh phi truyền thống: loại hình an ninh quốc gia do những yếu tố phi chính trị và phi quân sự tạo ra, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định, phát triển về an ninh ở mỗi nước, khu vực và toàn cầu.	36
C	
Chạy đua vũ trang: để chỉ hành động mà các bên tham gia không ngừng tăng cường lực lượng vũ trang để tạo ưu thế vượt trội cho mình về sức mạnh quân sự nhằm đảm bảo an ninh cho bản thân hay gây ra chiến tranh.	23, 24, 30, 31, 34
Chủ nghĩa khủng bố: khủng bố là hành động dùng bạo lực của cá nhân, tổ chức, nhà nước hoặc liên minh nhà nước để chống lại, đe doạ hoặc cưỡng bức một chính phủ, toàn thể hoặc bộ phận dân chúng, nhằm đạt được các mục tiêu chính trị hoặc xã hội. Các hình thức khủng bố thường là ám sát, bắt cóc, đánh bom, tàn sát man rợ,...	34
Chủ nghĩa phát xít: hình thức chuyên chính của tư bản, đế quốc phản động nhất, hiếu chiến nhất, chủ trương thủ tiêu mọi quyền tự do cơ bản của con người, khủng bố tàn bạo nhân dân, gây chiến tranh xâm lược, tiêu diệt các nước khác để xác lập địa vị thống trị tối cao.	25, 26, 27, 28, 29
Đ	
Đông các điện Đại học sĩ: một trong bốn chức quan cao cấp thời phong kiến Việt Nam (từ thời Lê sơ đến thời nhà Nguyễn) gồm: Cần chánh điện Đại học sĩ, Văn minh điện Đại học sĩ, Võ hiển điện Đại học sĩ, Đông các điện Đại học sĩ.	44
G	
Giải trừ quân bị: những biện pháp nhằm đạt tới việc thủ tiêu hoặc hạn chế đến mức tối đa các phương tiện chiến tranh, nhằm thiết lập những điều kiện để ngăn chặn chiến tranh phát sinh.	27
Gốm kí kiểu: tên gọi của một nhóm hiện vật đồ sứ do người Việt Nam (bao gồm vua, quan và cả thường dân) đặt làm tại các lò gốm sứ Trung Hoa trong khoảng thời gian từ nửa sau thế kỉ XVII đến đầu thế kỉ XX, với những yêu cầu riêng về kiểu dáng, màu sắc, hoa văn trang trí, thơ văn minh hoạ và hiệu đề.	16
Hệ thống Véc-xai – Oa-sinh-tơn: gồm các hoà ước, hiệp ước giữa các nước thắng trận và các nước bại trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, giải quyết các vấn đề hậu chiến; đặt nền tảng xác lập trật tự thế giới mới giữa các nước tư bản.	24
M	
Mộng: kĩ thuật ghép nối được sử dụng phổ biến trong ngành mộc mà không cần qua các vật trung gian, rất vững chắc, đảm bảo tính thẩm mĩ cho sản phẩm đồ gỗ nội thất.	13
S	
Sơn son thếp vàng: kĩ thuật sơn (chất liệu chế từ cây sơn ta) và trang trí (dán lớp vàng lá, vàng quỳ được dát thật mỏng lên bề mặt các vật dụng bằng gỗ, đá, đồng,... đã sơn) để tạo màu vàng tự nhiên, có ánh kim.	13
Sơn mài: một chất liệu hội hoạ. Là sự tìm tòi và phát triển kĩ thuật của nghề sơn thủ công truyền thống (nghề sơn ta) kết hợp thêm kĩ thuật mài.	15
V	
Vũ khí hạt nhân: loại vũ khí huỷ diệt hàng loạt mà năng lượng của nó do các phản ứng phân hạch hạt nhân hoặc phản ứng hợp hạch gây ra.	31

BẢNG PHIÊN ÂM

Phiên âm	Nguyên gốc	Trang
A		
An-bớt	Albert	23
An-giê-ri	Algeria	32
Áp-ga-ni-xtan	Afghanistan	30, 32, 34
A-rập	Arab	30, 31, 33
Ăng-gô-la	Angola	32
B		
Bát-đa	Baghdad	34
Bát-si	Barsscy	43
Bra-xi-li-a	Brasilia	21
Bra-xin	Brasil	21
Bri-ăng	Briand	27
Brét – Li-tốp	Brest – Litovsk	26
Bun-ga-ri	Bungari	26
C		
Cam-pu-chia	Cambodia	32
Ca-xmia	Kashmir	33
Công-gô	Congo	32
Cu-ba	Cuba	32
Đ		
Đông Ti-mo	Timor Leste	33
E		
Ê-ti-ô-pi-a	Ethiopia	28
E. Khan-đây	Evgueni Khaldeï	29
H		
Hi-rô-si-ma	Hiroshima	25
I		
I-an-ta	Yalta	25, 32
I-ran	Iran	30
I-rắc	Iraq	30, 34
I-ta-li-a	Italia	23, 24, 27, 28
I-xra-en	Israel	30, 33
In-đô-nê-xi-a	Indonesia	33
K		
Ken-lốt-giơ	Kellogg	27
L		
La Ha-ba-na	La Habana	35
La-tinh	Latin	31, 35
Li-băng	Lebanon	33
Lô-các-nô	Locarno	27
M		
Man-ta	Malta	31
Mát-xcơ-va	Moscow	26
Muy-ních	Munich	27
N		
Na-ga-sa-ki	Nagasaki	25
Na-mi-bi-a	Namibia	32
Niu Oóc	New York	33
Nô-ben	Nobel	27
O		
Oa-sinh-tơn	Washington	24, 27, 33, 43
P		
Pa-ki-xtan	Pakistan	33
Pa-le-xtin	Palestine	33
Pra-ha	Praha	34
Pa-ri	Paris	32, 34
P. Pi-cát-xô	P. Picasso	34, 36
G		
Giơ-ne-vơ	Genève	27, 35
Giê-nô-va	Genova	27
G. Bu-sơ	G. Bush	34
R		
Ru-an-đa	Ruwanda	32
R. Poăng-ca-rê	R. Poincare	27
T		
Ta-li-ban	Taliban	34
Tuy-ni-di	Tunisia	32
U		
U. Uyn-sơn	W. Wilson	27
V		
V.M. Mô-lô-tốp	V.M. Molotov	27
Vác-sa-va	Warsaw	29
Véc-xai	Versailles	27
Vô-băng	Vauban	16
X		
Xát-đam Hút-xen	Saddam Hussein	34, 42
Xi-ri	Syria	33
Xô-ma-li	Somalia	32
Xtốc-khôm	Stockholm	35
Xu-đăng	Sudan	32, 36
Y		
Y-ê-men	Yemen	33

MỤC LỤC

Lời nói đầu 2

Hướng dẫn sử dụng sách 3

CHUYÊN ĐỀ 1 – LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM 4

1. Nghệ thuật thời Lý 4

2. Nghệ thuật thời Trần 6

3. Nghệ thuật thời Lê sơ 8

4. Nghệ thuật thời Mạc 11

5. Nghệ thuật thời Lê trung hưng 13

6. Nghệ thuật thời Nguyễn 16

CHUYÊN ĐỀ 2 – CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH TRONG THẾ KỈ XX 22

1. Chiến tranh và hoà bình nửa đầu thế kỉ XX 23

2. Chiến tranh và hoà bình từ sau năm 1945 đến nay 29

CHUYÊN ĐỀ 3 – DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM 37

1. Khái quát về danh nhân trong lịch sử dân tộc 38

2. Một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ – trung đại 39

3. Một số danh nhân quân sự Việt Nam 41

4. Một số danh nhân văn hoá Việt Nam 43

5. Một số danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo 46

Bảng thuật ngữ 49

Bảng phiên âm 50

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: TÔ HỒNG PHẤN – ĐỖ XUÂN GIANG

Biên tập mĩ thuật: PHẠM THỊ HẠ LIÊN

Thiết kế sách: HUỲNH THỊ TRÚC LINH

Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ – TỐNG THANH THẢO

Sửa bản in: TÔ HỒNG PHẤN – ĐỖ XUÂN GIANG

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền © (2023) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỊCH SỬ 11 (Chân trời sáng tạo)

Mã số:

In……bản, (QĐ in số….) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:……..

Cơ sở in:……

Số ĐKXB:

Số QĐXB:..... ngày…. tháng…. năm 20….

In xong và nộp lưu chiểu tháng…. năm 20….

Mã số ISBN:

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 11 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Toán 11, Tập một
2. Toán 11, Tập hai
3. Chuyên đề học tập Toán 11
4. Ngữ văn 11, Tập một
5. Ngữ văn 11, Tập hai
6. Chuyên đề học tập Ngữ văn 11
7. Tiếng Anh 11
   Friends Global - Student Book
8. Lịch sử 11
9. Chuyên đề học tập Lịch sử 11
10. Địa lí 11
11. Chuyên đề học tập Địa lí 11
12. Giáo dục kinh tế và pháp luật 11
13. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11
14. Vật lí 11
15. Chuyên đề học tập Vật lí 11
16. Hoá học 11
17. Chuyên đề học tập Hoá học 11
18. Sinh học 11
19. Chuyên đề học tập Sinh học 11
20. Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng
21. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng
22. Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính
23. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính
24. Âm nhạc 11
25. Chuyên đề học tập Âm nhạc 11
26. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (1)
27. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (2)
28. Giáo dục quốc phòng và an ninh 11

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập http://hanhtrangso.nxbgd.vn và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.